

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I UL	4
i u 1. nh ngh a.....	4
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S VÀ TH I H N HO T NG C A NGÂN HÀNG	7
i u 2. Tên, hình th c, tr s chính và th i h n ho t ng c a Ngân hàng.....	7
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A NGÂN HÀNG	7
i u 3. M c tiêu, l nh v c kinh doanh và m c tiêu ho t ng c a Ngân hàng....	7
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng.....	8
i u 5. Ho t ng ngân hàng th ng m i.....	8
i u 6. Ho t ng ngân hàng ut	9
i u 7. B o hi m.....	10
i u 8. Các ho t ng khác.....	10
i u 9. Các h n ch m b o an toàn trong ho t ng.....	10
i u 10. Áp d ng i u c qu ct và t p quán qu ct trong ho t ng ngân hàng	10
i u 11. T ch c chính tr - xã h i trong Ngân hàng	10
IV. V N I UL , C PH N	11
i u 12. V n i ul , c ph n.....	11
i u 13. Thay iv n i ul	12
i u 14. V n ho t ng c a Ngân hàng.....	13
i u 15. C ph n.....	13
i u 16. Ch ng ch ch ng khoán khác	13
i u 17. Chào bán c ph n.....	13
i u 18. Mua l ic ph n.....	14
i u 19. Thu h ic ph n.....	16
i u 20. Gi i h ns h uc ph n.....	17
i u 21. Chuy n nh ng c ph n.....	17
i u 22. Th ak c ph n.....	17
i u 23. S đ ng c ph n làm tài s n b o m	18
i u 24. C phi u.....	18
i u 25. S ng ký c ông.....	19
i u 26. Phát hành trái phi u	19
V. C C UT CH C, QU N LÝ VÀ KI M SOÁT	20
i u 27. C c ut ch c qu n lý.....	20
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	20
i u 28. C ông.....	20
i u 29. Quy n c a c ông.....	20
i u 30. Ngh a v c a c ông.....	22
i u 31. i h i ng c ông.....	22
i u 32. Quy n h n và nhi m v c a i h i ng c ông.....	22
i u 33. Th m quy n tri ut p h p i h i ng c ông.....	24
i u 34. Thông báo m i h p, ch ng trình và n i dung h p i h i ng c ông	26

i u 35. Quy n d h p i h i ng c ông.....	27
i u 36. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông.....	28
i u 37. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông.....	28
i u 38. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	30
i u 39. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	32
i u 40. Các i di n c y quy n.....	33
i u 41. Thay i các quy n.....	34
i u 42. Biên b n h p i h i ng c ông.....	35
i u 43. Yêu c u hu b quy t nh c a i h i ng c ông.....	35
i u 44. H p ng, giao d ch ph i c i h i ng c ông, H i ng qu n tr ch p thu n.....	35
VII. H I NG QU N TR	36
i u 45. Thành ph n và nhi m k c a H i ng qu n tr	36
i u 46. Nh ng ng i không c tham gia qu n tr , ki m soát và không c gi ch c danh T ng giám c, Phó T ng giám c.....	37
i u 47. ng nhiên m t t cách.....	38
i u 48. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	38
i u 49. Ch t ch, Phó ch t ch H i ng qu n tr	41
i u 50. Quy n h n và nhi m v c a Thành viên H i ng qu n tr	42
i u 51. Thù lao và l ích c a thành viên H i ng qu n tr	43
i u 52. Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên H i ng qu n tr	43
i u 53. Thay th thành viên H i ng qu n tr	44
i u 54. Các cu c h p c a H i ng qu n tr	44
i u 55. S d ng d ch v t v n chuyên nghi p.....	48
VIII. T NG GIÁM C	48
i u 56. T ng giám c.....	48
i u 57. Giúp vi c cho T ng giám c.....	50
i u 58. Tiêu chu n và i u ki n làm T ng giám c, Phó T ng giám c.....	50
i u 59. ng nhiên m t t cách, mi n nhi m, bãi nhi m T ng giám c.....	51
IX. TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C VÀ THÀNH VIÊN BAN I U HÀNH.....	52
i u 60. Trách nhi m c n tr ng c a Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và thành viên Ban i u hành.....	52
i u 61. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	52
i u 62. Trách nhi m v thi th i và b i th ng.....	53
X. BAN KI M SOÁT	53
i u 63. Thành viên Ban Ki m soát	53
i u 64. Quy n và nhi m v c a Ban ki m soát	54
i u 65. Quy n và nhi m v c a Tr ng Ban ki m soát.....	56
i u 66. Quy n và nhi m v c a thành viên Ban ki m soát.....	56
i u 67. Quy n c cung c p thông tin c a Ban Ki m soát.....	57
i u 68. Thù lao và các chi phí khác c a thành viên Ban ki m soát.....	57
i u 69. Tiêu chu n và i u ki n làm thành viên Ban ki m soát.....	58

i u 70. ng nhiên m t t cách, mi n nhi m, bãi nhi m và thay th thành viên Ban ki m soát	58
i u 71. Cu c h p c a Ban ki m soát	58
XI. QUY N I U TR A S SÁCH C A NGÂN HÀNG	59
i u 72. Quy n i u tra s sách và h s	59
.....	60
i u 73. Công nhân viên và công oàn	60
XIII. PHÂN CHIA LÊ I NHU N	60
i u 74. C t c	60
i u 75. Tr c t c	61
i u 76. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n	62
XIV :TÀI KHO N NGÂN HÀNG, Q Y D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN.....	62
i u 77. Tài kho n ngân hàng	62
i u 78. Trích l p qu	62
i u 79. N m tài khóa.....	63
i u 80. H th ng k toán.....	63
XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	63
i u 81. Báo cáo tài chính hàng n m, sáu tháng và hàng quý.....	63
i u 82. Ch l u gi tài li u c a Ngân hàng.....	63
i u 83. Công b thông tin và thông báo ra công chúng.....	64
XVI. KI M TOÁN NGÂN HÀNG	64
i u 84. Ki m toán.....	64
XVII. COND U	64
i u 85. Con d u	65
XVIII. CH M D THO T NG VÀ THÀNH LÝ.....	65
i u 86. Ch m d tho t ng	65
i u 87. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông.....	65
i u 88. Gia h n ho t ng	65
i u 89. Báo cáo và ki m soát c bi t	65
i u 90. T ch c l i.....	66
i u 91. Gi i th Ngân hàng.....	66
i u 92. Phá s n Ngân hàng.....	67
i u 93. Thanh lý	67
XIX. GI I QUY T TRANH CH P N I B	68
i u 94. Gi i quy t tranh ch p n i b	68
XX. B SUNG VÀ S A I I UL	68
i u 95. B sung và s a i i ul	68
XXI. THÔNG TIN VÀ B O M T.....	68
i u 96. Thông tin nh k	68
i u 97. Ngh a v b o m t	69
XXII. NGÀY HI UL C.....	69
i u 98. Ngày hi ul c	69

Ngân hàng Thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam (đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần, hoạt động theo giấy phép số 0011/NH-GP ngày 06 tháng 04 năm 1992 của Ngân hàng Nhà nước và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 07 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30 tháng 11 năm 2007.

Điều này được thông qua họp lần thứ của Hội đồng Ngân hàng vào ngày tháng năm

I. NỘI DUNG CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU

Điều 1. Nội dung

Trong điều này, thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1. “*Luật doanh nghiệp*” có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

2. “*Luật các tổ chức tín dụng*” có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 12 năm 1997, sửa đổi, bổ sung năm 2004.

3. “*Pháp luật*” có nghĩa là tất cả luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác của các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo thủ tục liên quan đến các hoạt động của Ngân hàng bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế các quy định này.

4. “*Chứng khoán*” là phạm vi pháp lý được ghi trong giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Ngân hàng mà tại đó Ngân hàng thực hiện các dịch vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. “*Nhóm công ty*” bao gồm Ngân hàng và các công ty có mối quan hệ gắn bó lâu dài với nhau về lợi ích kinh tế, công nghệ, thương mại và các dịch vụ kinh doanh khác, bao gồm Ngân hàng và các công ty con, công ty liên kết, đơn vị trực thuộc, trong đó Ngân hàng đóng vai trò chi phối (có nghĩa là Công ty mẹ).

6. “*Vốn đầu tư*” là số vốn do tất cả các công đồng góp và ghi trong điều này.

7. “*Ngày thành lập*” là ngày Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động.

8. “*Vốn pháp định*” là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật thành lập Ngân hàng.

9. “*Ngân hàng điều hành*” là Tổng giám đốc, giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc các đơn vị thành viên.

10. “*Ban điều hành*” bao gồm Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, và Kế toán trưởng của Ngân hàng.

11. “Thành viên H i ng qu n tr c l p” là thành viên H i ng qu n tr áp ng các yêu c u sau:

a) Không ph i là ng i ang h ng l ng, thù lao, ph c p c a Ngân hàng ngoài nh ng kho n c h ng theo tiêu chu n thành viên H i ng qu n tr .

b) Không ph i là ng i mà v , ch ng, cha, cha nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi, anh, ch , em ru t c a mình s h u t 5% s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c a Ngân hàng; là ng i qu n lý ho c thành viên Ban ki m soát c a Ngân hàng ho c công ty con c a Ngân hàng vào th i i m hi n t i ho c b t k th i gian nào.

c) Không tr c ti p ho c i di n s h u t 1% s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c a Ngân hàng.

d) Không cùng Ng i có liên quan theo quy nh t i i u l này s h u t 5% s c ph n có quy n bi u quy t tr lên c a Ngân hàng.

12. “Ng i có liên quan” là cá nhân, t ch c có quan h v i Ngân hàng n u thu c m t trong các tr ng h p sau:

a) Công ty m v i công ty con và ng c l i; Ngân hàng v i công ty con c a Ngân hàng và ng c l i; các công ty có cùng công ty m v i nhau; các công ty con c a cùng Ngân hàng v i nhau.

b) Ngân hàng i v i ng i qu n lý, thành viên Ban ki m soát c a Ngân hàng ho c ng i, t ch c có th m quy n b nhi m nh ng ng i ó và ng c l i.

c) Ngân hàng i v i cá nhân s h u t 10% v n i u l tr lên t i Ngân hàng và ng c l i.

d) Ngân hàng i v i ng i có quan h thân thu c (g m: v , ch ng, cha, cha nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi, anh, ch , em ru t) c a ng i qu n lý, thành viên Ban ki m soát, c ông s h u t 10% v n i u l tr lên c a Ngân hàng và ng c l i.

e) Cá nhân c u quy n i di n cho nh ng ng i quy nh t i i m a, b, c, d kho n này i v i ng i u quy n.

13. “Th i h n ho t ng” là th i h n ho t ng c a Ngân hàng c quy nh t i kho n 6 i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Ngân hàng thông qua b ng ngh quy t và c c quan nhà n c có th m quy n ch p thu n n u pháp lu t có yêu c u.

14. “C ph n” là v n i u l c chia thành các ph n b ng nhau.

15. “C ông” là t ch c ho c cá nhân s h u m t ho c m t s c ph n c a Ngân hàng và ng ký tên trong S ng ký c ông c a Ngân hàng v i t cách là m t ng i n m gi (các) c ph n.

16. “*C phi u*” là ch ng ch ho c bút toán ghi s c a Ngân hàng phát hành, xác nh n quy n s h u m t ho c m t s c ph n c a Ngân hàng. *C phi u* c a Ngân hàng có th là c phi u ghi tên ho c c phi u vô danh theo quy nh c a i u l này.

17. “*S ng ký c ông*” là s ng ký c ông quy nh t i i u 25 c a i u l này.

18. “*i h i ng c ông*” ho c “*i h i*” là i h i ng c ông c a Ngân hàng.

19. “*C t c*” là kho n c tr cho m i c ph n b ng t i n m t ho c b ng tài s n khác t ngu n l i nhu n còn l i c a Ngân hàng sau khi ã th c hi n ngh a v v tài chính.

20. “*C ph n chi ph i, v n góp chi ph i*” là c ph n ho c v n góp c a Ngân hàng chi m trên 50% (n m m i ph n tr m) v n i u l ho c t ng s c ph n ph thông ã phát hành c a m t doanh nghi p khác.

21. “*Quy n chi ph i*” là quy n c a m t ngân hàng d a trên c ph n chi ph i, v n góp chi ph i vào doanh nghi p khác và (ho c) quy n tr c t i p ho c gián t i p b nhi m a s ho c t t c thành viên H i ng qu n tr , H i ng thành viên, Giám c ho c T ng giám c c a doanh nghi p ó và (ho c) quy n quy t nh vi c s a i, b sung i u l c a doanh nghi p ó.

22. “*Công ty có liên quan*” là doanh nghi p do Ngân hàng n m gi m t ph n ho c toàn b v n i u l , g m có công ty con và công ty liên k t.

23. “*Công ty con*” là doanh nghi p do Ngân hàng u t 100% (m t tr m ph n tr m) v n i u l ho c do Ngân hàng gi c ph n chi ph i, v n góp chi ph i ho c n m quy n chi ph i, c t ch c d i hình th c công ty trách nhi m h u h n m t thành viên, công ty c ph n, công ty trách nhi m h u h n có hai thành viên tr lên ho c công ty n c ngoài.

24. “*Công ty liên k t*” là doanh nghi p do ngân hàng n m gi c ph n, v n góp d i m c c ph n chi ph i, v n góp chi ph i, c t ch c d i hình th c công ty trách nhi m h u h n t hai thành viên tr lên, công ty c ph n, công ty liên doanh v i n c ngoài ho c công ty n c ngoài.

25. “*n v tr c thu c*” là các n v h ch toán ph thu c Ngân hàng, bao g m các s giao d ch, chi nhánh, v n phòng i di n, n v s nghi p.

26. “*n v thành viên*” là các n v tr c thu c và công ty có liên quan c a Ngân hàng.

27. “*L i nhu n*” là t ng l i nhu n ho t ng kinh doanh và l i nhu n ho t ng khác. Trong ó, l i nhu n ho t ng kinh doanh bao g m: chênh l ch gi a t ng doanh thu t vi c cung c p d ch v v i t ng chi phí d ch v trong k và chênh l ch gi a t ng doanh thu t ho t ng u t tài chính v i t ng chi phí ho t ng u t tài chính phát sinh trong k ; l i nhu n ho t ng khác là chênh l ch gi a thu nh p t ho t ng khác và chi phí ho t ng khác phát sinh trong k .

28. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng.

29. Các tiêu (m c, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n ti n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này;

30. Các t ho c thu t ng ã c nh ngh a trong Lu t doanh nghi p và Lu t các t ch c tín đ ng (n u không mâu thu n v i ch th ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong i u l này.

II. TÊN, HÌNH TH C, TR S VÀ TH I H N HO T NG C A NGÂN HÀNG

i u 2. Tên, hình th c, tr s chính và th i h n ho t ng c a Ngân hàng

1. Tên Ngân hàng

- Tên ti ng Vi t: Ngân hàng th ng m i c ph n xu t nh p kh u Vi t Nam
- Tên vi t t t b ng ti ng Vi t: Ngân hàng xu t nh p kh u Vi t Nam
- Tên ti ng Anh: Viet Nam Export Import Commercial Joint Stock Bank
- Tên vi t t t : Eximbank
- Tên giao d ch: Ngân hàng xu t nh p kh u Vi t Nam (Eximbank)

2. Ngân hàng là Ngân hàng th ng m i c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.

3. Tr s ng ký c a ngân hàng là:

- a ch : S 07 Lê Th H ng G m, qu n 1, thành ph H Chí Minh
- i n tho i : (08) 8210055
- Fax : (08) 8296063
- Website : www.eximbank.com.vn

4. T ng giám c là i di n theo pháp lu t c a ngân hàng.

5. Ngân hàng có th thành l p s giao d ch, chi nhánh và v n phòng i di n (ho c hình th c khác) t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Ngân hàng phù h p v i Ngh quy t c a H i ng qu n tr và trong ph m vi pháp lu t cho phép.

6. Tr khi ch m đ t ho t ng tr c th i h n theo i u 86 ho c gia h n ho t ng theo i u 88 c a i u l này, th i h n ho t ng c a Ngân hàng s b t u t ngày thành l p và là vô th i h n.

III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A NGÂN HÀNG

i u 3. M c tiêu, l nh v c kinh doanh và m c tiêu ho t ng c a Ngân hàng

1. M c tiêu c a Ngân hàng là tr thành m t t p oàn tài chính Ngân hàng cung c p d ch v a d ng v i ch t l ng và hi u qu .

2. Lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng bao gồm hoạt động kinh doanh quy định tại Điều này.

3. Mục tiêu hoạt động của Ngân hàng là tối đa hoá lợi nhuận, tích lũy cho phát triển, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Ngân hàng được phép lập kế hoạch và tiến hành thực hiện các hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều này phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Ngân hàng.

2. Ngân hàng có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và các hình thức công nghệ hiện đại được phê chuẩn theo quy định tại Điều này.

Điều 5. Hoạt động ngân hàng thông thường

1. Huy động vốn

Ngân hàng huy động vốn dưới các hình thức sau:

a) Nhận tín dụng của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tín dụng không kê hoạch, tín dụng có kê hoạch và các loại tín dụng khác;

b) Phát hành chứng chỉ tín dụng, trái phiếu và giấy tờ có giá khác huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

c) Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và các tổ chức tín dụng nước ngoài;

d) Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn;

) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

e) Việc huy động vốn có thể bằng hình thức Việt Nam, ngoại tệ, vàng và các công cụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Hoạt động tín dụng

Ngân hàng cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dưới các hình thức sau:

a) Cho vay;

b) Bảo lãnh;

c) Cho thuê tài chính;

d) Chi tiêu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

) Bao thanh toán; và

e) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

a) Ngân hàng mở tài khoản, cung cấp dịch vụ thanh toán và ngân quỹ cho khách hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

b) Ngân hàng tổ chức hình thức thanh toán nội bộ và tham gia hình thức thanh toán trong nước và ngoài nước. Tham gia các hình thức thanh toán quốc tế khi được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Các dịch vụ ngân hàng thông mĩ khác

Ngân hàng thực hiện các hoạt động sau:

a) Kinh doanh trên thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường giao dịch kỳ hạn, phái sinh trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định pháp luật và phạm vi hoạt động của Ngân hàng;

b) Kinh doanh vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế;

c) Các quy định thuế, nhân sự thuế, làm việc lý trong các lĩnh vực liên quan nội bộ ngân hàng, kê khai và quản lý tài sản, vận chuyển và cất giữ, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng thuế, việc lý;

d) Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng để hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập Công ty có liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Bảo quản hiện vật quý, giá trị có giá, cho thuê kết cấu và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;

e) Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hoạt động ngân hàng quốc tế

Ngân hàng thực hiện hoạt động ngân hàng quốc tế trực tiếp hoặc thông qua các công ty chi nhánh, công ty quản lý quỹ mà Ngân hàng nắm giữ phần chi phí theo quy định của pháp luật. Hoạt động ngân hàng quốc tế bao gồm những không hạn chế các loại hình sau:

1. Tư vấn tài chính doanh nghiệp và xuất nhập khẩu;
2. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
3. Môi giới và tư vấn doanh nghiệp chứng khoán;
4. Quản lý và/hoặc phân phối chứng khoán xuất nhập khẩu;
5. Quản lý danh mục xuất nhập khẩu;
6. Hoạt động ngân hàng quốc tế khác (nếu có).

i u 7. B o hi m

Ngân hàng th c hi n cung ng các d ch v b o hi m sau ây d i hình th c thành l p công ty con, liên doanh ho c làm i lý cho các công ty b o hi m theo quy nh c a pháp lu t:

1. B o hi m nhân th ;
2. B o hi m phi nhân th ;
3. Tái b o hi m; và
4. Các lo i hình b o hi m khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 8. Các ho t ng khác

C n c các quy nh c a pháp lu t, Ngân hàng th c hi n các ho t ng khác bao g m các l nh v c nh ng không h n ch các lo i hình sau:

1. Góp v n, mua c ph n c a các doanh nghi p khác theo quy nh c a pháp lu t;
2. Thành l p công ty con, n v s nghi p ho c tham gia thành l p các công ty liên k t trong và ngoài n c th c hi n ho t ng kinh doanh khác có liên quan ho c không liên quan n ho t ng ngân hàng theo quy nh c a pháp lu t;
3. Góp v n v i t ch c tín d ng n c ngoài thành l p t ch c tín d ng liên doanh t i Vi t Nam theo quy nh c a pháp lu t.

i u 9. Các h n ch m b o an toàn trong ho t ng

Trong quá trình ho t ng, Ngân hàng tuân th các quy nh v các h n ch b o m an toàn trong ho t ng theo quy nh c a Lu t các t ch c tín d ng và theo quy nh c a pháp lu t có liên quan; th c hi n phân lo i tài s n Có và trích l p đ phòng r i ro x lý các r i ro trong ho t ng ngân hàng theo quy nh c a pháp lu t.

i u 10. Áp d ng i u c qu c t và t p quán qu c t trong ho t ng ngân hàng

1. Ngân hàng áp d ng i u c qu c t liên quan n ho t ng ngân hàng mà Vi t Nam ã ký k t ho c tham gia.
2. Ngân hàng có th tho thu n v i khách hàng áp d ng t p quán qu c t có liên quan n ho t ng ngân hàng, n u t p quán ó không trái v i các nguyên t c c b n c a pháp lu t Vi t Nam.

i u 11. T ch c chính tr - xã h i trong Ngân hàng

1. Các t ch c chính tr - xã h i trong Ngân hàng ho t ng theo Hi n pháp, pháp lu t Vi t Nam và i u l này phù h p v i quy nh c a pháp lu t.
2. Ngân hàng tôn tr ng và t o i u ki n ng i lao ng thành l p và tham gia ho t ng trong các t ch c nêu t i kho n l i u này.

IV. V N I U L , C P H N

i u 12. V n i u l , c p h n

1. V n i u l c a Ngân hàng t i th i i m thông qua i u l này là 2.800.000.000.000 (b ng ch : Hai nghìn tám tr m t ng).

2. T ng s v n i u l c a Ngân hàng c chia thành 280.000.000 (b ng ch : hai tr m tám m i tri u) c p h n v i m nh giá là 10.000 (b ng ch : m i ngàn ng).

3. V n i u l c h ch toán b ng ng Vi t Nam (VN).

4. Ngân hàng ph i m b o m c v n i u l th c có không th p h n m c v n pháp nh theo quy nh c a pháp lu t.

5. Ngân hàng không c s d ng v n i u l và các qu mua c p h n, góp v n v i các c ông c a chính Ngân hàng.

6. V n i u l c s d ng vào các m c ích:

a) Mua, u t vào tài s n c nh c a Ngân hàng không quá t l quy nh c a Ngân hàng Nhà n c;

b) Góp v n, mua c p h n theo quy nh c a Ngân hàng Nhà n c;

c) Thành l p công ty tr c thu c theo quy nh c a pháp lu t;

d) Cho vay;

) Kinh doanh các d ch v khác theo quy nh c a pháp lu t.

7. C p h n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c p h n ph thông c a h trong Ngân hàng, tr tr ng h p i h i ng c ông quy nh khác. Ngân hàng ph i thông báo vi c chào bán c p h n, trong thông báo ph i nêu rõ s c p h n c chào bán và th i h n ng ký mua phù h p (t i thi u hai m i ngày làm vi c) c ông có th ng ký mua. S c p h n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Ngân hàng quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c p h n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c p h n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u, tr tr ng h p i h i ng c ông ch p thu n khác ho c trong tr ng h p c p h n c bán qua S giao d ch ch ng khoán ho c Trung tâm giao d ch ch ng khoán.

8. Ngân hàng có th mua c p h n do chính Ngân hàng ã phát hành (k c c p h n u ãi hoàn l i) theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành. C p h n ph thông do Ngân hàng mua l i là c phi u qu và H i ng qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh c a i u l này, Lu t Ch ng khoán và v n b n h ng d n liên quan.

9. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi cần thiết để huy động nguồn tài trợ thông qua bảng cân đối kế toán và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 13. Thay đổi vốn

Ngân hàng có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) vốn sau khi có quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

1. Các hình thức tăng vốn Ngân hàng:

a) Phát hành thêm chứng khoán huy động thêm vốn, kể cả chứng khoán theo hình thức chuyển thành vốn góp chứng khoán theo thỏa thuận của Ngân hàng với các bên;

b) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi đã phát hành thành chứng khoán;

c) Thực hiện các đợt phát hành chứng khoán của Ngân hàng;

d) Kết chuyển nguồn thặng dư bổ sung tăng vốn;

đ) Các hình thức khác do Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

2. Các hình thức giảm vốn của Ngân hàng:

a) Ngân hàng mua lại và huỷ bỏ chứng khoán phi ưu đãi có mệnh giá tăng vốn và số dư kế toán ghi nợ;

b) Ngân hàng thu hồi và huỷ bỏ chứng khoán phi ưu đãi có mệnh giá tăng vốn và số dư kế toán ghi nợ;

c) Các hình thức khác do Hội đồng quản trị, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

3. Việc giảm vốn của Ngân hàng phải đảm bảo không ảnh hưởng đến pháp luật về thanh toán và tín dụng theo quy định của pháp luật.

4. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn Ngân hàng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

5. Sau khi đã thay đổi vốn Ngân hàng theo bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vốn Ngân hàng mới và ghi nhận biến động cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn Ngân hàng đã đăng ký (bản sao có xác nhận của Công chứng Nhà nước) cho Ngân hàng Nhà nước, đăng tải trên báo trung ương, áp dụng theo quy định của pháp luật về số vốn Ngân hàng.

6. Hội đồng quản trị Ngân hàng phải chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận cho công bố tăng vốn theo các yêu cầu quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật của Ngân hàng.

i u 14. V n ho t ng c a Ngân hàng

V n ho t ng c a Ngân hàng bao g m các ngu n sau:

1. V n i u l c a Ngân hàng.
2. Các kho n chênh l ch do ánh giá l i tài s n, chênh l ch t giá.
3. Các qu d tr b sung v n i u l , qu u t phát tri n nghi p v , qu d phòng tài chính, qu d phòng tr c p m t vi c làm, qu khen th ng, qu phúc l i.
4. V n huy ng theo các hình th c quy nh t i i u 5 c a i u l này.
5. L i nhu n c l i ch a phân b .
6. V n tài tr , v n y thác u t cho vay theo các ch ng trình, d án có m c tiêu riêng c a Chính ph giao.
7. Các lo i v n khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 15. C ph n

1. M i c ph n c a Ngân hàng có m nh giá là 10.000 ng (b ng ch : M i nghìn ng). S l ng c ph n c a Ngân hàng b ng v n i u l chia cho m nh giá m t c ph n.
2. Toàn b c ph n c a Ngân hàng vào ngày thông qua i u l này là c ph n ph thông.
3. Ngân hàng có th phát hành các lo i c ph n u ãi theo quy t nh c a i h i ng c ông và phù h p v i quy nh c a pháp lu t liên quan.
4. M i c ph n c a cùng m t lo i u t o cho ng i s h u nó các quy n, ngh a v và l i ích ngang nhau.

i u 16. Ch ng ch ch ng khoán khác

Ch ng ch trái phi u ho c các ch ng ch ch ng khoán khác c a Ngân hàng (tr c các th chào bán, các ch ng ch t m th i và các tài li u t ng t), s c phát hành có d u và ch ký m u c a i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng, tr tr ng h p mà các i u kho n và i u ki n phát hành quy nh khác.

i u 17. Chào bán c ph n

1. H i ng qu n tr quy t nh th i i m, ph ng th c và giá chào bán c ph n trong s c ph n c quy n chào bán. Giá chào bán c ph n không c th p h n giá th tr ng t i th i i m chào bán ho c giá tr c ghi trong s sách c a c ph n t i th i i m g n nh t, tr nh ng tr ng h p sau ây:

- a) C ph n chào bán cho t t c c ông theo t l c ph n hi n có c a h t i Ngân hàng;
- b) C ph n bán cho ng i lao ng, qu n lý, i u hành c a Ngân hàng ho c i t ng khác theo ngh quy t c a i h i ng c ông;

c) Công nhân chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chi tiêu hoặc tài chi tiêu thực tế của công nhân cho ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số công nhân có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm công nhân phụ thông và chào bán số công nhân đó cho tất cả công nhân phụ thông theo tài công nhân hiện có của Ngân hàng thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản đến các công nhân theo phương thức bỏ phiếu kín (hoặc cách khác) của Ngân hàng) của họ. Thông báo phải công bố trong ba tuần tiếp theo trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thực trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, họ chữ, họ chữ họ cá nhân hợp pháp khác của công nhân là cá nhân; tên, địa chỉ thực trú, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công nhân là tổ chức; số công nhân và tài công nhân hiện có của công nhân quy định mua; giá chào bán công nhân; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đi theo pháp luật của Ngân hàng. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý của công nhân quy định mua của công nhân. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua công nhân do Ngân hàng phát hành.

c) Công nhân có quyền chuyển quyền ưu tiên mua công nhân của mình cho người khác.

d) Nếu phiếu đăng ký mua công nhân không có giá trị Ngân hàng ứng dụng như đã thông báo thì công nhân có liên quan coi như không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng công nhân dự định phát hành không có công nhân và người nhận quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số công nhân dự định phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số công nhân đó cho công nhân của Ngân hàng hoặc người khác theo cách thức hợp lý vì lợi ích của công nhân không thu lợi nhuận so với người ưu tiên chào bán cho các công nhân, trường hợp người khác có chi phí thu nhập khác hoặc công nhân chào bán qua Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Công nhân coi là đã bán khi thanh toán và nhận thông tin về người mua quy định trong điều lệ này được ghi đúng, ghi vào Sổ đăng ký công nhân; kể từ thời điểm đó, người mua công nhân trở thành công nhân của Ngân hàng.

4. Sau khi công nhân chào bán, Ngân hàng phải phát hành và trao phiếu cho người mua. Ngân hàng có thể bán công nhân mà không trao phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về công nhân quy định trong điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký công nhân là chứng minh quyền sở hữu của công nhân đó trong Ngân hàng.

5. Các quy định khác về lợi ích, phương thức và thủ tục chào bán công nhân ra công chúng phải thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 18. Mua lại công nhân

1. Mua lại công nhân theo yêu cầu của Ngân hàng:

Ngân hàng có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số phần vốn thông thường bán ra, mặt phần vốn hoàn toàn bằng phần vốn đã bán theo quy định sau đây:

a) Hạn mức quyền Ngân hàng có quyền quy định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số phần vốn chào bán trong mười hai (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại có thể do hạn mức quy định.

b) Hạn mức quyền quy định giá mua lại có thể vượt mức phần vốn thông thường, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định khác trong khoản 1 của điều này. Việc phần vốn khác, nếu Ngân hàng và công ty có liên quan không có tho thu nào khác thì giá mua lại không vượt mức phần vốn giá thị trường.

c) Ngân hàng có thể mua lại phần vốn công ty công ty cổ phần và công ty cổ phần trong Ngân hàng. Trong trường hợp này, quy định mua lại của Ngân hàng phải công bố báo cáo tình hình tài chính và báo cáo các công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quy định có hiệu lực. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng, tổng số phần vốn và loại phần vốn mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thời điểm và thời hạn thanh toán, thời điểm và thời hạn công ty chào bán phần vốn cho Ngân hàng. Công ty dự định bán lại phần vốn phải ghi rõ chào bán phần vốn của mình bằng báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ, ngày tháng, số Giấy chứng minh nhân dân, họ chữ họ hoặc chức danh cá nhân hợp pháp khác của công ty là cá nhân; tên, địa chỉ, ngày tháng, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số ký kinh doanh của công ty là tổ chức; số phần vốn sở hữu và số phần vốn chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của công ty hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty. Ngân hàng chỉ mua lại phần vốn chào bán trong thời hạn nói trên.

2. Mua lại phần vốn theo yêu cầu của công ty

a) Công ty có quyền quy định phần vốn quy định về việc chuyển nhượng Ngân hàng hoặc thay đổi quy định, nghĩa vụ của công ty quy định tại Điều lệ Ngân hàng có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại phần vốn của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của công ty, số lượng phần vốn cần mua lại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải ghi rõ Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày hạn mức quy định công ty thông qua quy định về các văn bản quy định tại khoản này.

b) Ngân hàng phải mua lại phần vốn theo yêu cầu của công ty quy định tại Điều lệ của khoản 2 của điều này về giá thị trường hoặc giá thanh toán trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không tho thu được về giá thì công ty có thể bán phần vốn cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu mua lại theo giá chuyên nghiệp định giá. Ngân hàng ghi chi tiêu ít nhất 03 (ba) chữ chuyên nghiệp định giá là chi tiêu và địa chỉ đó là quy định của cùng.

3. Thời hạn thanh toán và xử lý các phần vốn mua lại:

a) Ngân hàng chỉ thực hiện thanh toán các phần mua lãi cho công quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này ngay sau khi thanh toán hết các phần mua lãi, Ngân hàng vẫn bố trí thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

b) Các phần mua lãi theo quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này được coi là các phần thu v và thu c s của phần quy định chào bán.

c) Công phi thuế xác định quy định của phần lãi của tiêu thụ ngay sau khi công phát sinh của thanh toán thuế. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên hệ chịu trách nhiệm về thuế do không tiêu thụ hoặc chi tiêu thuế phi thuế gây ra ở Việt Nam.

d) Sau khi thanh toán hết các phần mua lãi, nút giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm 10% (mười phần trăm) thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết các phần mua lãi.

Điều 19. Thu hồi phần

1. Trường hợp vi phạm quy định mua các phần không thanh toán thuế và ứng dụng sản phẩm phát hành mua các phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công bố thanh toán sản phẩm còn lại cùng với lãi suất có thể được lưu giữ trên khoản tín dụng và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán thuế gây ra cho Ngân hàng.

2. Thông báo thanh toán nêu tại khoản 1 của Điều này phải ghi rõ thời hạn thanh toán mà ngân hàng không ít hơn 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán ứng dụng, số phần của thanh toán hết số thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trừ khi thanh toán thuế tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quy định thu hồi số phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các phần bù thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này và trong các trường hợp khác quy định tại Điều này.

4. Các phần bù thu hồi hoặc giao nộp sẽ trở thành tài sản của Ngân hàng. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc quy định bán, tái phân phối hoặc ghi quy định cho người thừa kế của phần bù thu hồi hoặc các hình thức khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Công nợ mà các phần bù thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải bắt buộc công bố về tình hình của phần đó, những vấn đề thanh toán cho Ngân hàng tất cả các khoản tín dụng liên quan của người tín dụng theo thỏa thuận của Hội đồng quản trị quy định những ngân hàng không cao hơn lãi suất ngân hàng cùng kỳ hạn vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định về việc công bố thanh toán toàn bộ giá trị của phi thuế vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ sản phẩm.

6. Thông báo thu hồi sử dụng tín dụng hiện hành của chủ thể thu hồi để thông báo thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Điều 20. Giới hạn số hạn mức

1. Chủ thể là cá nhân số hạn mức không quá 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.

2. Chủ thể là tổ chức số hạn mức không quá 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, ngoại trừ tổ chức tín dụng và ngân sách phần thu của Nhà nước.

3. Tỷ lệ giới hạn số hạn mức của chủ thể là nhà đầu tư nước ngoài trong vốn của Ngân hàng xác định theo quy định của pháp luật.

4. Tổng số phần của Ngân hàng do chủ thể và những người có liên quan của chủ thể sở hữu có thể bị hạn chế trong pháp luật có quy định.

Điều 21. Chuyển nhượng phần

1. Tất cả phần vốn do chuyển nhượng từ ngày tiếp theo này và pháp luật có quy định khác.

2. Các phần của thanh toán yêu cầu không chuyển nhượng và hạn chế.

3. Các phần của chủ thể chỉ định không chuyển nhượng trong thời hạn theo thỏa thuận tiếp theo mua các phần Ngân hàng hoặc trong thời hạn theo quy định của pháp luật, tùy thuộc thời hạn nào dài hơn.

4. Việc chuyển nhượng các chứng chỉ ngân hàng hoặc chứng chỉ khác do Hội đồng quản trị quy định. Các phiếu của Ngân hàng khi niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán số chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và chứng chỉ chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán.

5. Giấy tờ chuyển nhượng phải có bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện quy định pháp luật của các bên ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu phần có liên quan khi tên của người nhận chuyển nhượng được ký vào sổ đăng ký công.

Điều 22. Thắc mắc phần

1. Việc thắc mắc phần chứng chỉ theo quy định của điều lệ này, pháp luật về thắc mắc và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Sau khi xuất trình yêu cầu giải thích chứng minh quy định thắc mắc pháp luật, người thắc mắc chứng chỉ ký các loại phần thắc mắc tín dụng ký công và trở thành công của Ngân hàng, chứng minh quy định và nghĩa vụ của chủ thể mà thắc mắc phù hợp với quy định điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Người thanh toán các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý khác của hợp phần không công nhận thanh toán quy định làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 23. Số lượng phần làm tài sản bảo đảm

Công có thể dùng các phần của Ngân hàng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Chi phí

1. Công của Ngân hàng chấp nhận chi phí phát sinh ngân vụ của phần và lợi ích phần sở hữu, trừ trừ nợ quy định tại khoản 7 điều này.

2. Chi phí của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;

b) Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Số lượng phần và lợi ích phần;

d) Mệnh giá mỗi phần và tổng mệnh giá số phần ghi trên chứng phiếu;

e) Họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công là cá nhân; tên, địa chỉ, nghề nghiệp, quốc tịch, số giấy tờ thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công là tổ chức vì chi phí có ghi tên;

f) Tóm tắt nội dung chuyển nhượng phần;

g) Chỗ ký mua của người đi đăng ký theo pháp luật và địa chỉ của Ngân hàng;

h) Số đăng ký tài sản của Ngân hàng và ngày phát hành chứng phiếu;

i) Các nội dung khác theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật doanh nghiệp và vì chi phí của phần này.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp hồ sơ chuyển nhượng quy định của phần theo quy định của Ngân hàng hoặc trong thời hạn hai (02) tháng hoặc thời hạn theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán dứt khoát mua phần theo quy định tại phần án phát hành chứng phiếu của Ngân hàng, người sở hữu phần sở hữu chấp nhận chi phí. Người sở hữu phần không phải trả cho Ngân hàng chi phí in chứng phiếu hoặc bất kỳ khoản phí gì.

4. Trừ trừ nợ chuyển nhượng mệnh giá số phần trong chứng phiếu có ghi tên, chứng phiếu của sở hữu và Ngân hàng số phần miễn phí chứng phiếu miễn ghi nhận số phần còn lại.

5. Trừ trừ nợ chấp nhận chi phí ghi tên bằng hình thức tẩy xóa hoặc bằng cách khác, mặt cấp hoặc tiêu hủy, người sở hữu phần ghi tên có thể yêu cầu Ngân hàng chấp nhận

chức phiếu mệnh giá tiền pháp郎 bằng chữ viết số và thanh toán mệnh giá liên quan cho Ngân hàng.

6. Ngân hàng chức năng của phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bỏ phiếu bằng chữ và Ngân hàng sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp phiếu bằng mệnh giá số được viết khác.

7. Ngân hàng có thể phát hành các phiếu ghi tên không theo hình thức chức năng. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các phiếu ghi tên (theo hình thức chức năng hoặc không có chức năng) chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chức năng và chuyển nhượng các phiếu theo quy định của luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 25. Sổ ký cược

1. Sổ ký cược là tập và lưu giữ dữ liệu văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc hai loại này tại Ngân hàng để ghi chép về sổ ký kinh doanh. Sổ ký cược phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
- b) Tên sổ các phiếu quy định chào bán, loại các phiếu quy định chào bán và số các phiếu quy định chào bán từng loại;
- c) Tên sổ các phiếu bán các loại và giá trị văn bản các phiếu góp;
- d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác về việc ông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc sổ ký kinh doanh về việc ông là tổ chức;
- e) Số lượng phiếu từng loại của mỗi ông, ngày ký phiếu.

2. Sổ ký cược là lưu giữ tài liệu chính của Ngân hàng hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Ông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ ký cược trong giới hạn vì của Ngân hàng hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

Công suất 5% (nằm phần trăm) tên sổ các phiếu trên của Ngân hàng có trách nhiệm đăng ký về quan hệ nhà cầm quyền trong thị trường 07 (b) ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Phát hành trái phiếu

1. Hội đồng quản trị về việc phát hành trái phiếu chuyển nhượng. Ngân hàng không được quy định phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:

- a) Không thanh toán các gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không các khoản nợ liên quan trong ba năm liên tiếp trước đó.

b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ban quản lý liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất存款利率 cho trái phiếu này phát hành.

2. Việc phát hành trái phiếu cho các công ty là tài chính công là công ty không bị hạn chế bị quy định tại Điều 1 và khoản 1 Điều này.

V. C C U T C H C, Q U N L Ý V À K I M S O Á T

Điều 27. C c u t c h c q u n l ý

C c u t c h c q u n l ý của Ngân hàng bao gồm:

1. Hội đồng;
2. Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc;
4. Ban kiểm soát.

VI. C Ô N G V À H I H I N G C Ô N G

Điều 28. C ô n g

1. Công là nghiệp vụ kinh doanh của Ngân hàng, có các quy định và nghĩa vụ tài chính theo các pháp luật và lệ phí kinh doanh mà kinh doanh.

2. Công là công nghiệp chính thức khi công ty mua chứng khoán và ghi tên vào sổ đăng ký công của Ngân hàng.

3. Việc công ty đi theo quy định của công ty Ngân hàng thực hiện theo khoản 3 Điều 96 Luật doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 29. Quy định của công

1. Công ty phải có các quy định sau đây:

a) Tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị; mức phân phối công có mặt phải biểu quyết;

c) Nhận xét về việc thực hiện của hội đồng quản trị;

d) Ưu tiên mua hoặc có quyền mua chứng khoán mà Ngân hàng chào bán công ty và các công ty khác mà công ty kinh doanh;

e) Chuyển nhượng công ty của mình cho công ty khác và công ty không phải là công ty, phù hợp với quy định của Điều này và pháp luật;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách công ty có quy định biểu quyết và yêu cầu các thông tin không chính xác;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chép Điều lệ của Ngân hàng, sổ biên bản họp hội đồng quản trị và các quy định của hội đồng quản trị;

h) Trong trường hợp Ngân hàng bị gì thì, các nhân viên tài sản còn lại tiếp tục công việc của mình, sau khi Ngân hàng đã thanh toán cho chủ và công nợ khác theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

k) Các quy định liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần khác trực tiếp tham dự hội đồng công phù hợp với Điều lệ này và quy định của pháp luật;

l) Các quy định khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Công hoc nhóm công s h u trên 5% (n m ph n tr m) t ng s c ph n ph thông tr lên c a Ngân hàng trong th i h n liên t c ít nh t 06 (sáu) tháng có các quy n:

a) Các quy định về H i ng qu n tr và Ban ki m soát Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

b) Yêu cầu tri u t p h p i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

(i) H i ng qu n tr vi ph m nghiêm tr ng các quy n c a c ông, ngh a v c a ng i qu n lý Ngân hàng hoc ra quy t nh v t quá th m quy n c giao;

(ii) Nhi m k c a H i ng qu n tr ã v t quá 06 (sáu) tháng mà H i ng qu n tr m i ch a c b u thay th .

Yêu cầu tri u t p h p ph i c l p b ng v n b n và ph i có h , tên, a ch th ng trú, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u hoc ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i các c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p hoc s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a Ngân hàng, c n c và lý do yêu cầu tri u t p h p i h i ng c ông. Kèm theo yêu cầu có các tài li u, ch ng t v các vi ph m c a H i ng qu n tr , m c vi ph m hoc v quy t nh v t quá th m quy n.

c) Xem xét và trích l c s biên b n và các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr , báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng u n m và hàng n m theo m u c a h th ng k toán Vi t Nam và các báo cáo c a Ban ki m soát.

d) Yêu cầu Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành hoc t ng c a Ngân hàng khi xét th y c n thi t. Yêu cầu ph i b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u hoc ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p hoc s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; S l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a Ngân hàng; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra.

) Các quy định khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

i u 30. Ngh a v c a c ô ng

1. Tuân th i u l Ngân hàng và các quy ch c a Ngân hàng; ch p hành quy t nh c a i h i ng c ô ng, H i ng qu n tr .
2. Thanh toán s c ph n cam k t mua và ch u trách nhi m i v i các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Ngân hàng trong ph m vi s v n ã góp vào Ngân hàng.
3. Không c rút v n ã góp v n b ng c ph n ph thông ra Ngân hàng d i m i hình th c, tr tr ng h p c Ngân hàng ho c ng i khác mua l i c ph n theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.
4. B o v uy tín, tài s n và l i ích và gi bí m t v các ho t ng c a Ngân hàng.
5. C ô ng ch u trách nhi m cá nhân khi nhân danh Ngân hàng d i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:
 - a) Vi ph m pháp lu t;
 - b) Ti n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các kho n n ch a n h n tr c nguy c tài chính có th x y ra i v i Ngân hàng;
 - d) Các ngh a v khác theo quy nh t i i u l này và quy nh c a pháp lu t.

i u 31. i h i ng c ô ng

1. i h i ng c ô ng là c quan có th m quy n cao nh t c a Ngân hàng, bao g m t t c các c ô ng có quy n bi u quy t, ho t ng thông qua cu c h p i h i ng c ô ng th ng niên, i h i ng c ô ng b t th ng và thông qua vi c l y ý ki n b ng v n b n.
2. Các cu c h p i h i ng c ô ng ph i có s l ng c ô ng tham d t i thi u theo quy nh t i i u 36 c a i u l này.
3. Quy t nh c a i h i ng c ô ng ch có giá tr khi c các c ô ng ho c ng i c u quy n thông qua theo quy nh t i i u 38 c a i u l này.

i u 32. Quy n h n và nhi m v c a i h i ng c ô ng

1. i h i ng c ô ng trong ph m vi các quy nh c a pháp lu t và i u l này có các quy n h n và nhi m v sau:
 - a) Thông qua nh h ng phát tri n c a Ngân hàng theo xu t c a H i ng qu n tr ;
 - b) Thông qua báo cáo tài chính ki m toán hàng n m, báo cáo c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát;
 - c) Thông qua ph ng án phân ph i, s d ng l i nhu n; m c c t c hàng n m c a t ng lo i c ph n và trích l p, s d ng các qu theo ngh c a H i ng qu n tr ;

d) Quy t nh t ng - gi m v n i u l , lo i c ph n và s l ng c ph n m i s c phát hành cho m i lo i c ph n và ph ng án phát hành trái phi u chuy n i ;

) Thông qua ngh c a H i ng qu n tr v vi c niêm y t ho c hu b niêm y t công khai b t k ho c t t c c phi u, quy n ch n mua c phi u, trái phi u chuy n i c a Ngân hàng;

e) Quy t nh u t , giao d ch mua, bán tài s n Ngân hàng có giá tr t 50% (n m m i ph n tr m) tr lên t ng giá tr tài s n c a Ngân hàng c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t c a Ngân hàng;

g) Thông qua các h p ng giao d ch c a Ngân hàng theo quy nh t i kho n 3 i u 44 c a i u l này;

h) Thông qua vi c thành l p công ty con c a Ngân hàng;

i) Thông qua ngh c a H i ng qu n tr v vi c mua l i trên 10% (m i ph n tr m) t ng s c ph n ã bán c a m i lo i ;

k) Quy t nh s a i, b sung i u l theo xu t c a H i ng qu n tr ;

l) Quy t nh s l ng thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát; b u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr và thành viên Ban ki m soát khi h t nhi m k ho c b sung, thay th thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát theo quy nh t i i u l này;

m) Phê chu n quy ch ho t ng n i b c a H i ng qu n tr và Ban ki m soát;

n) Quy t nh m c thù lao, th ng và các l i ích khác i v i thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát và ngân sách ho t ng c a H i ng qu n tr và Ban ki m soát;

o) Xem xét và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr , Ban ki m soát gây thi t h i cho Ngân hàng và c ông c a Ngân hàng;

p) Phê chu n vi c l a ch n công ty ki m toán c l p cho n m tài chính ti p theo theo xu t c a H i ng qu n tr ;

q) Quy t nh vi c chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Ngân hàng;

r) Quy t nh t ch c l i, gi i th và yêu c u phá s n Ngân hàng;

s) Giám sát và ánh giá các ho t ng c a H i ng qu n tr và Ban ki m soát;

t) Các quy n và nhi m v khác theo quy nh t i i u l này và quy nh c a pháp lu t.

2. i h i ng c ông th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh b ng v n b n v các v n sau:

a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng n m;

b) M c c t c thanh toán hàng n m cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó;

c) S l ng thành viên c a H i ng qu n tr ;

d) Lựa chọn công ty kiểm toán;

đ) Bổ sung, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

e) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Ngân hàng;

h) Loại bỏ phần và số lượng phần miễn thuế phát hành cho mỗi loại phần;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Ngân hàng;

k) Tách rời và giải thể (thanh lý) Ngân hàng và chuyển nhượng tài sản;

l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và các công ty của Ngân hàng;

m) Quy định giao dịch bán tài sản Ngân hàng hoặc các sản phẩm giao dịch, chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% (hai mươi lăm triệu đồng) trở lên tổng giá trị tài sản của Ngân hàng và các sản phẩm giao dịch, chi nhánh của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;

n) Ngân hàng mua lại hơn 10% (mười phần trăm) mệnh giá phần phát hành;

o) Việc Tổng giám đốc nghỉ làm Chức vụ Hội đồng quản trị;

p) Ngân hàng hoặc các chi nhánh của Ngân hàng ký kết hợp đồng với ngân hàng nước ngoài để mua trái phiếu có mệnh giá từ 120 triệu đồng doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Ngân hàng và các sản phẩm giao dịch, chi nhánh của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất;

q) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Ngân hàng;

3. Công đồng không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Các hợp đồng quy định thời hạn 3 điều 44 Điều lệ này khi công đồng hoặc người có liên quan tới công đồng là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua các phần của công đồng hoặc của người có liên quan tới công đồng.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã nêu của vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng.

Điều 33. Thẩm quyền quyết định của Hội đồng

1. Hội đồng công đồng thành lập do Hội đồng quản trị quyết định trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính khi có sự chấp thuận của cơ quan quản lý kinh doanh theo quy định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị ưu tiên phê duyệt các đề xuất trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét duyệt đề xuất vì lợi ích của Ngân hàng;

b) Bảng cân kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vấn đề bất thường;

c) Khi sự thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn sự thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong luật;

d) Công hoc nhóm công quy định tại khoản 2 điều 29 của luật này yêu cầu ưu tiên phê duyệt đề xuất công bng m t v n b n k i n ngh . V n b n k i n ngh tri u t p p h i nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có chứng cứ của các công liên quan (v n b n k i n ngh có thể lập thành nhiệm vụ có chứng cứ tại các công có liên quan);

đ) Ban kiểm soát yêu cầu ưu tiên phê duyệt của Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và luật Ngân hàng.

3. Hội đồng quản trị ưu tiên phê duyệt đề xuất công trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày sự thành viên Hội đồng quản trị còn lại quy định tại mục khoản 2 điều này hoặc nhóm yêu cầu quy định tại mục a, b, khoản 2 điều này.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không ưu tiên phê duyệt đề xuất công quy định tại các khoản 2 và 3 điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị ưu tiên phê duyệt đề xuất công theo quy định của luật này và quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không ưu tiên phê duyệt đề xuất công theo quy định tại khoản 4 điều này thì công hoc nhóm công năm gi trên 5% (năm phần trăm) tăng sự chấp thuận thông tin của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ưu tiên phê duyệt đề xuất công theo quy định của luật này và quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, công hoc nhóm công ưu tiên phê duyệt đề xuất công có thể ngừng quan hệ kinh doanh giám sát vì ưu tiên phê duyệt và tiến hành họp năm xét duyệt đề xuất.

6. Nhiệm vụ phê duyệt đề xuất công là trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tổng chi phí của đề xuất ưu tiên phê duyệt và tiến hành họp phê duyệt đề xuất công theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 điều này do Ngân hàng hoàn trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công chi tiêu khi tham gia phê duyệt đề xuất công, kể cả chi phí nhân và lợi.

8. Trưởng phòng Kế toán quản trị, Ban kiểm soát không thể hiện các nhiệm vụ quy định tại các khoản 3 và 4 của Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật và phải báo cáo tình hình phát sinh với Ngân hàng.

Điều 34. Thông báo miễn phí, chi phí đăng ký và nội dung hồ sơ miễn phí đăng ký

1. Người trực tiếp miễn phí đăng ký tại Điều 33 của Điều này phải lập danh sách các công có quy định hồ sơ và biểu mẫu quy định; chuẩn bị chi phí đăng ký, nội dung, tài liệu cần thiết và danh sách quy định về việc nộp tiền trong chi phí đăng ký.

2. Danh sách công có quy định hồ sơ phải lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc hội chợ. Danh sách công có quy định hồ sơ miễn phí đăng ký phải có họ, tên, địa chỉ thực tế, quốc tịch, số giấy đăng ký kinh doanh nhân dân, họ chữ họ của chủ thể cá nhân hoặc pháp nhân khác với công là cá nhân; tên, địa chỉ thực tế, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công là tổ chức; số lượng công nhân lao động, số và ngày đăng ký công tại công.

3. Người trực tiếp miễn phí đăng ký phải thông báo trực tiếp cho tất cả các công có quy định hồ sơ chậm nhất 07 (bảy) ngày trước ngày khai mạc hội chợ công (tính từ ngày mà thông báo công bố chuyển hình thức pháp lý, chi phí hoặc chi trả vào hôm đó). Thông báo miễn phí phải có tên, địa chỉ thực tế, số và ngày công bố giấy đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của Ngân hàng; tên, địa chỉ thực tế của công hoặc người đại diện theo quy định của công, thời gian và địa điểm nộp. Kèm theo thông báo miễn phí phải có chi phí đăng ký, các tài liệu theo quy định làm thủ tục thông qua quy định và danh sách quy định về việc nộp tiền trong chi phí đăng ký, mẫu chi phí đại diện theo quy định.

4. Với các công đã thể hiện việc ký phiếu, thông báo miễn phí đăng ký công có thể công bố trên cổng thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán (nếu có) miễn phí, trên website của Ngân hàng, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương của Ngân hàng địa phương. Với các công chưa thể hiện việc ký phiếu, thông báo miễn phí đăng ký công có thể công bố bằng cách chuyển tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bưu điện địa phương miễn phí, hoặc địa chỉ do công cung cấp phương tiện gửi thông tin. Trưởng phòng công đã thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản hoặc địa chỉ thực tế, thông báo miễn phí đăng ký công có thể gửi qua fax hoặc địa chỉ thực tế. Trưởng phòng công là người làm việc trong Ngân hàng, thông báo có thể công trong phong bì dán kín gửi tay hoặc tin nhắn làm việc. Trưởng phòng Ngân hàng có website, thông báo miễn phí đăng ký công phải công bố trên website của Ngân hàng bằng việc gửi thông báo cho các công.

5. Công hoặc nhóm công sẽ hưởng trên 5% (năm phần trăm) tổng số phần trăm thông tin của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quy định xuất các văn bản vào chi phí đăng ký miễn phí đăng ký. Xuất phí làm văn bản và phải gửi cho Ngân hàng ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc hội chợ

ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n c ông ho c nhóm c ông n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

6. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n kho n 5 i u này trong các tr ng h p sau:

- a) xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;
- b) Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t trên 5% (n m ph n tr m) c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t 06 (sáu) tháng;
- c) V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ông bàn b c và thông qua.

7. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông ph i ch p nh n và a ki n ngh quy nh t i kho n 5 i u này vào d ki n ch ng trình và n i dung cu c h p, tr tr ng h p quy nh t i kho n 6 i u này; ki n ngh c chính th c b sung vào ch ng trình và n i dung cu c h p n u c i h i ng c ông ch p thu n.

8. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

9. Tr ng h p t t c c ông i di n 100% (m t tr m ph n tr m) s c ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham d ho c thông qua i di n cu quy n t i i h i ng c ông, nh ng quy t nh c i h i ng c ông nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p i h i ng c ông không theo úng th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

i u 35. Quy n d h p i h i ng c ông

1. Các c ông cá nhân ho c ng i i di n theo u quy n c ông là t ch c có quy n tr c ti p tham d i h i ng c ông ho c u quy n cho ng i khác tham d cu c h p. Ng i c u quy n không nh t thi t là c ông c a Ngân hàng. Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c a m i ng i i di n.

2. Tr ng h p c ông là pháp nhân m i t ch c l i ho c th a k quy n và ngh a v c ông thì c ông này g i cho H i ng qu n tr các v n b n có hi u l c pháp lý v vi c t ch c l i ho c th a k H i ng qu n tr quy t nh v c ông, c phi u, c ph n và ng i c d h p theo quy nh c a pháp lu t.

3. Vi c u quy n l p thành v n b n theo m u c a Ngân hàng c H i ng qu n tr ch p thu n. Ng i c u quy n n p v n b n này tr c khi vào phòng h p. V n b n u quy n c a c ông ph i bao g m các ch ký theo quy nh sau:

- a) Tr ng h p c ông là cá nhân thì ph i có ch ký c a c ông ó và ch ký c a ng i c u quy n d h p;

b) Trường hợp người đi n theo quy định của công là t ch c là người quy n thì phải có ch ký c a ng i này, ch ký c a ng i i đi n theo pháp lu t c a c ông và ch ký c a ng i c u quy n đ h p;

c) Trong trường hợp khác thì phải có ch ký c a ng i i đi n theo pháp lu t c a c ông và người c u quy n đ h p.

4. Trường hợp Ngân hàng nhận c thông báo b ng v n b n ch m nh t 24 (hai m i t) giá trị c gi khai m c c u c h p i h i ng c ông, phi u b u c a ng i c u quy n trong phạm vi c u quy n v n có hi ul c ngay c khi người quy n ã:

a) Ch t ho c b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;

b) Hu b ho c ch m đ t vi c u quy n.

5. Trường hợp c ph n c chuy n nh ng trong th i gian t ngày l p xong danh sách công n ngày khai m c h p i h i ng c ông thì người nh n chuy n nh ng có quy n đ h p i h i ng c ông thay th cho người chuy n nh ng i v i s c ph n ã chuy n nh ng.

đ i u 36. Các đ i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông

1. i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông đ h p i đi n cho ít nh t 65% (sáu m i l m ph n tr m) trong t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

2. Trường hợp không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng 30 (ba m i) phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i phi c tri u t p l i trong vòng 30 (ba m i) ngày k t ngày đ nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t p l i ch c t i n hành khi có thành viên tham đ là các c ông và nh ng i đi n c u quy n đ h p i đi n cho ít nh t 51 % (n m m i ph n tr m) t ng s c ph n có quy n bi u quy t.

3. Trường hợp i h i l n th hai không c t i n hành do không có s i bi u c n thi t theo quy nh t i kho n 2 đ i u này thì i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng 20 (hai m i) ngày k t ngày đ nh t i n hành i h i l n hai, và trong trường hợp này i h i c t i n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i đi n u quy n tham đ và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng c ông l n th nh t có th phê chu n.

4. Theo ngh Ch t a, i h i ng c ông có quy n thay i ch ng trình h p ã c g i kèm theo thông báo m i h p theo quy nh t i i ul này.

đ i u 37. Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Ngân hàng phi th c hi n th t c ng ký c ông và phi th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n đ h p có m t ng ký h t.

8. Ng i tri u t p i h i c ô ng có th yêu c u các c ô ng ho c i di n c u quy n tham d i h i ng c ô ng ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ng qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có c ô ng ho c i di n c u quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nói trên, Ng i tri u t p i h i c ô ng sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i ho c tr c xu t c ô ng ho c i di n nói trên ra kh i cu c h p i h i.

9. Ng i tri u t p i h i c ô ng, sau khi ã xem xét m t cách c n tr ng, có th t i n hành các bi n pháp c H i ng qu n tr cho là thích h p :

- a) i u ch nh s ng i có m t t i a i m chính h p i h i ng c ô ng;
- b) B o m an toàn cho m i ng i có m t t i a i m ó;
- c) T o i u ki n cho c ô ng tham d (ho c ti p t c tham d) i h i.

Ng i tri u t p i h i c ô ng có toàn quy n thay i nh ng bi n pháp nêu trên và áp d ng t t c các bi n pháp n u th y c n thi t. Các bi n pháp áp d ng có th là c p gi y vào c a ho c s d ng nh ng hình th c l a ch n khác.

10. Trong tr ng h p t i i h i ng c ô ng có áp d ng các bi n pháp nói trên, H i ng qu n tr khi xác nh a i m i h i có th :

- a) Thông báo r ng i h i s c t i n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch t o i h i s có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”);
- b) B trí, t ch c nh ng c ô ng ho c i di n c u quy n không đ h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i;

Thông báo v vi c t ch c i h i không c n nêu chi t i t nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.

11. Trong i u l này (tr khi hoàn c nh yêu c u khác), m i c ô ng s c coi là tham gia i h i a i m chính c a i h i.

i u 38. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ô ng

1. i h i ng c ô ng thông qua các quy t nh thu c th m quy n b ng hình th c bi u quy t t i cu c h p ho c l y ý ki n b ng v n b n. i h i ng c ô ng th ng niên không c t ch c d i hình th c l y ý ki n b ng v n b n.

2. Các quy t nh c a i h i ng c ô ng liên quan n các v n sau ây ph i c th c hi n thông qua hình th c bi u quy t tr c ti p t i cu c h p i h i ng c ô ng:

- a) S a i, b sung i u l Ngân hàng;
- b) Lo i c ph n và s l ng c ph n c chào bán c a t ng lo i;
- c) B u, mi n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát;

d) Quy t nh u t , giao d ch mua, bán tài s n Ngân hàng có giá tr t 50% (n m m i ph n tr m) tr lên t ng giá tr tài s n c a Ngân hàng c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t c a Ngân hàng;

) Thông qua báo cáo tài chính ki m toán hàng n m;

e) T ch c l i, gi i th Ngân hàng.

3. Quy t nh c a i h i ng c ông c thông qua t i cu c h p khi có các i u ki n sau ây:

a) c s c ông i di n ít nh t 65% (sáu m i l m ph n tr m) t ng s phi u bi u quy t c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i i h i ch p thu n;

b) i v i quy t nh v các v n quy nh t i i m a, b, d và e Kho n 2 i u này thì phi c s c ông i di n ít nh t 75% (b y m i l m ph n tr m) t ng s phi u bi u quy t c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n có m t t i i h i ch p thu n.

4. Vi c bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát th c hi n theo ph ng th c b u đ n phi u, theo ó m i c ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i t ng s c ph n s h u nhân v i s thành viên c b u c a H i ng qu n tr và Ban ki m soát và c ông có quy n đ n h t t ng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ng c viên. Ng i trú ng c thành viên H i ng qu n tr ho c thành viên Ban ki m soát c xác nh theo s phi u b u tính t cao xu ng th p, b t u t ng c viên có s phi u cao nh t cho n khi s thành viên quy nh t i i u l Ngân hàng.

5. Trong tr ng h p thông qua các quy t nh đ i hình th c l y ý ki n b ng v n b n thì quy t nh c a i h i ng c ông c thông qua khi có ít nh t 75% (b y m i l m ph n tr m) t ng s phi u bi u quy t ch p thu n.

6. Các quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông v i s c ông tr c ti p và ng i u quy n tham d i di n cho 100% t ng s c ph n có quy n bi u quy t cùng b phi u là h p pháp và có hi u l c thi hành, k c khi trình t và th t c tri u t p, n i dung ch ng trình h p và th th c ti n hành h p không c th c hi n úng nh quy nh.

7. S phi u bi u quy t c a m i c ông bi u quy t b ng s c ph n mà c ông s h u ho c là ng i i di n ch s h u.

8. C ông không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:

a) Các h p ng quy nh t i kho n 3 i u 44 i u l này khi c ông ó ho c Ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng.

b) Vi c mua c ph n c a c ông ó ho c c a Ng i có liên quan t i c ông ó.

9. Quy t nh h p l c a i h i ng c ô ng có hi u l c thi hành i v i t t c các c ô ng v ng m t hay b t ng ý ki n và c thông báo n t t c các c ô ng có quy n d h p i h i ng c ô ng trong vòng 15 (m i l m) ngày k t ngày quy t nh c thông qua.

i u 39. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ô ng b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ô ng

Th m quy n và th th c l y ý ki n c ô ng b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ô ng c th c hi n theo quy nh sau ây:

1. H i ng qu n tr có quy n l y ý ki n c ô ng b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ô ng b t c lúc nào n u xét th y c n thi t vì l i ích c a Ngân hàng;

2. H i ng qu n tr ph i chu n b phi u l y ý ki n, d th o quy t nh c a i h i ng c ô ng và các tài li u gi i trình d th o quy t nh. Phi u l y ý ki n kèm theo d th o quy t nh và tài li u gi i trình ph i c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch th ng trú c a t ng c ô ng.

3. Phi u l y ý ki n ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, n i ng ký kinh doanh c a Ngân hàng;

b) M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

c) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ô ng là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ô ng ho c i di n theo u quy n c a c ô ng là t ch c; s l ng c ph n c a t ng lo i và s phi u bi u quy t c a c ô ng;

d) Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n;

) Th i h n ph i g i v Ngân hàng phi u l y ý ki n ã c tr l i;

e) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr và ng i i di n theo pháp lu t c a Ngân hàng.

4. Phi u l y ý ki n ã c tr l i ph i có ch ký c a c ô ng là cá nhân, c a ng i i di n theo u quy n ho c ng i i di n theo pháp lu t c a c ô ng là t ch c.

5. Phi u l y ý ki n g i v Ngân hàng ph i c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u. Các phi u l y ý ki n g i v Ngân hàng sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m u không h p l .

6. H i ng qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u đ i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a c ô ng không n m gi ch c v qu n lý Ngân hàng. Biên b n ki m phi u ph i có các n i dung ch y u sau ây:

a) Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh c a Ngân hàng, n i ng ký kinh doanh;

- b) Mục đích và các văn bản quy định thông qua quy định;
- c) Số công việc ngân sách phi thuế quy định tham gia thuế quy định, trong đó phân biệt số phi thuế quy định hợp lệ và số phi thuế quy định không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách công tham gia thuế quy định;
- d) Ngân sách phi thuế thành, không thành và không có ý kiến về việc ngân sách;
- e) Các quy định khác thông qua;
- e) Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đi diễn theo pháp luật của Ngân hàng và các ngân hàng giám sát kiểm soát phi thuế.

Các thành viên Hội đồng quản trị và ngân hàng giám sát kiểm soát phi thuế liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm soát phi thuế; liên hệ chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quy định khác thông qua do kiểm soát phi thuế không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm soát phi thuế gửi kèm các công trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm soát phi thuế.

8. Phi thuế quy định khác kiểm soát, biên bản kiểm soát phi thuế, toàn văn quy định khác thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phi thuế quy định để lưu giữ trữ chính của Ngân hàng.

9. Quy định khác thông qua theo hình thức quy định công bằng văn bản có giá trị như quy định khác thông qua tại cuộc họp hội đồng.

Điều 40. Các điều kiện quy định

1. Các công có quy định tham dự hội đồng công theo luật pháp có thẩm quyền tham dự hoặc quy định cho người đi diễn của mình tham dự. Trường hợp có nhu cầu tham dự người đi diễn theo quy định của thì phải xác nhận các thủ tục và số phi thuế của mình người đi diễn.

2. Việc quy định cho người đi diễn để họp hội đồng phải lập thành văn bản theo mục của Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp công cá nhân là người quy định thì phải có chữ ký của công đó và người quy định họp;

b) Trường hợp người đi diễn theo quy định của công là tổ chức là người quy định thì phải có chữ ký của người đi diễn theo quy định, người đi diễn theo pháp luật của công và người quy định họp;

c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đi diễn theo pháp luật của công và người quy định họp.

Người quy định họp hội đồng phải nộp văn bản quy định trên khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người quy định ký giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu người ký giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng với thủ tục quy định cho luật sư hoặc bên sao hợp lệ của thủ tục quy định (nếu trường hợp có đăng ký với Ngân hàng).

4. Trường hợp quy định tại khoản 3 điều này, phí sử dụng quy tắc đăng ký của quy định hợp pháp trong phạm vi của quy định này có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

a) Người quy định chuyển nhượng quyền sử dụng đất hành vi dân sự hoặc bất động sản hành vi dân sự ;

b) Người quy định chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

c) Người quy định chuyển nhượng quyền sử dụng đất chi phí của quy định.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về mặt trong các sắc lệnh chính trị 24 (hai mươi bốn) giờ trước khi khai mạc cuộc họp hội đồng hoặc trước khi cuộc họp trực tiếp.

Điều 41. Thay đổi các quy định

1. Các quy định của hội đồng (trong các trường hợp quy định tại điều 2 điều 32 liên quan đến phần của Ngân hàng được chia thành các loại phần khác nhau) và việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định bất kỳ liên quan đến loại phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của hai phần ba số thành viên (bảy mươi lăm phần trăm) quy định sử dụng các phần đã phát hành loại.

2. Việc thực hiện một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có ít nhất hai thành viên (hoặc nhiều hơn) quy định và hai phần ba số thành viên (hoặc nhiều hơn) của các phần loại đã phát hành. Trường hợp không có sự đồng ý như nêu trên thì sẽ thực hiện họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và hai phần ba số thành viên loại (không phải thu vào số lượng và số phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện của quy định được coi là số lượng yêu cầu. Tất cả các cuộc họp riêng biệt nêu trên, hai phần ba số thành viên loại có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và miễn là khi bỏ phiếu kín có mặt lá phiếu cho mỗi phần số thu loại.

3. Tất cả tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy để thực hiện tất cả các quy định tại điều 36 và điều 38 của luật này.

4. Trường hợp các điều khoản phát hành các phần quy định khác, các quy định bất kỳ liên quan đến các loại phần có quy định về việc miễn thuế hoặc các vấn đề liên quan chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Ngân hàng sẽ không thay đổi khi Ngân hàng phát hành thêm các phần cùng loại.

Đ i u 42. Biên b n h p i h i ng c ô ng

Ng i ch tr i h i ng c ô ng ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ng c ô ng và g i cho t t c các c ô ng trong vòng m i l m (15) ngày khi i h i ng c ô ng k t thúc. Biên b n i h i ng c ô ng c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c t i n hành t i i h i ng c ô ng tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo ú ng th t c quy nh trong vòng m i ngày k t khi g i biên b n. Biên b n ph i c l p b ng ti ng Vi t, có ch ký xác nh n c a Ch t a i h i và Th ký, và c l p theo quy nh c a Lu t doanh nghi p và t i i u l này. Các b n ghi chép, biên b n, s ch ký c a các c ô ng đ h p và v n b n u quy n tham đ ph i c l u gi t i tr s chính c a Ngân hàng.

Đ i u 43. Yêu c u hu b quy t nh c a i h i ng c ô ng

Trong th i h n 90 (chín m i) ngày, k t ngày nh n c biên b n h p i h i ng c ô ng ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ô ng, c ô ng, thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c, thành viên Ban ki m soát có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, h y b quy t nh c a i h i ng c ô ng trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p cu c h p i h i ng c ô ng không th c hi n ú ng theo quy nh c a i u l này và quy nh c a pháp lu t; ho c
2. Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m các quy nh c a i u l này ho c pháp lu t.

Đ i u 44. H p ng, giao đ ch ph i c i h i ng c ô ng, H i ng qu n tr ch p thu n

1. H p ng, giao đ ch gi a Ngân hàng v i các i t ng sau ây ph i c i h i ng c ô ng ho c H i ng qu n tr ch p thu n:
 - a) C ô ng, ng i i di n u quy n c a c ô ng s h u trên 35% (ba m i l m ph n tr m) t ng s c ph n ph thông c a Ngân hàng và nh ng ng i có liên quan c a h ;
 - b) Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c;
 - c) Doanh nghi p quy nh t i i m a và i m b kho n l i u 118 c a Lu t doanh nghi p và ng i có liên quan c a thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c.
2. H i ng qu n tr ch p thu n các h p ng và giao đ ch có giá tr nh h n 50% (n m m i ph n tr m) t ng giá tr tài s n Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính g n nh t. Trong tr ng h p này, ng i i di n theo pháp lu t ph i g i n các thành viên H i ng qu n tr ; niêm y t t i tr s chính, chi nhánh c a Ngân hàng đ th o h p ng ho c thông báo n i dung ch y u c a giao đ ch. H i ng qu n tr quy t nh vi c ch p thu n h p ng ho c giao đ ch trong th i h n m i l m ngày, k t ngày niêm y t; thành viên có l i ích liên quan không có quy n bi u quy t.

3. i h i ng c ô ng ch p thu n các h p ng và giao đ ch khác tr tr ng h p quy nh t i kho n 2 i u này. H i ng qu n tr trình đ th o h p ng ho c gi i trình v n i

dung chủ yếu của giao dịch tài chính hiện nay của công nghiệp và dịch vụ ngân hàng. Trong trường hợp này, công có liên quan không có quy định quy định; hợp đồng giao dịch của chủ đầu tư khi có sự đồng ý của 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số cổ đông còn lại.

4. Hợp đồng, giao dịch bất động sản và xử lý theo quy định của pháp luật khi giao kết hợp tác kinh doanh mà chủ đầu tư theo quy định khoản 2 và khoản 3 của Điều này. Người đi đầu theo pháp luật của Ngân hàng, công, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải báo cáo với Ủy ban Phát triển, hoàn trả cho Ngân hàng các khoản lợi nhuận và chi phí hợp đồng, giao dịch đó.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 45. Thành phần và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng quy định, thực hiện các quy định và nghĩa vụ của Ngân hàng trước nhà đầu tư và chủ sở hữu.

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là bảy (07) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị tối đa, không vượt quá số thành viên tối thiểu của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các công nhân mới chỉ chiếm 5% (năm phần trăm) số phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và các thành viên Hội đồng quản trị. Công nhân nhóm công nhân mới chỉ chiếm 10% (mười phần trăm) số phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của các thành viên; tối đa 10% (mười phần trăm) số cổ đông chiếm 30% (ba mươi phần trăm) của các thành viên; tối đa 30% (ba mươi phần trăm) số cổ đông chiếm 50% (năm mươi phần trăm) của các thành viên; tối đa 50% (năm mươi phần trăm) số cổ đông chiếm 65% (sáu mươi lăm phần trăm) của các thành viên và vượt 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên của các thành viên.

4. Trường hợp số lượng các thành viên Hội đồng quản trị thông qua và ngược lại không vượt quá số cổ đông thì Hội đồng quản trị có thể thêm các thành viên hoặc thực hiện theo một cách do Ngân hàng quy định. Cách thức hay cách thức Hội đồng quản trị có nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị phải công bố rõ ràng và phải công bố hiện nay công thông qua trước khi tiến hành thực hiện.

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên có không thực hiện cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật không cho làm thành viên Hội đồng quản trị;

- b) Thành viên có gia đình sống cùng gia đình của Ngân hàng;
- c) Thành viên có bệnh tật tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bệnh chuyên môn chuyên gia y học không còn năng lực hành vi;
- d) Thành viên có năng lực không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên có năng lực và đã phân quyền cho các thành viên khác;
- e) Thành viên có bất kỳ cách thức thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về công ty và pháp luật khác có liên quan.

Kiểm toán, báo cáo tài chính và thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải tuân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là công dân Việt Nam của Ngân hàng.

Điều 46. Những người không được tham gia quản trị, kiểm soát và không được giám sát, Phó Tổng giám đốc

Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc:

1. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
2. Đã bị kết án về các tội nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, các tội nghiêm trọng xâm phạm sức khỏe, các tội nghiêm trọng về kinh tế;
3. Đã bị kết án về các tội khác mà chưa được xóa án;
4. Đã từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc của một công ty đã phá sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 50 của Luật phá sản;
5. Đã từng là người đi n theo pháp luật của một công ty bị đình chỉ hoạt động do vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
6. Thu nhập theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan;
7. Đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của chính Ngân hàng;
8. Có bố, mẹ, vợ, chồng, con đang vay vốn hoặc đang là người bảo lãnh, tái bảo lãnh khoản tín dụng của chính Ngân hàng;

9. Là công sở hữu trên 10% (mỗi phần trăm) vốn đầu tư hoặc có bổ sung, vay, chi trả, còn là công sở hữu trên 10% (mỗi phần trăm) vốn đầu tư của doanh nghiệp đang có Ngân hàng chấp nhận không có bổ sung, chấp nhận vay tín dụng và lãi suất ưu đãi;

10. Không bổ sung tiêu chuẩn về công nghệ nghiệp vụ, năng lực đầu tư và trình độ chuyên môn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 47. Nguyên tắc đầu tư

1. Các thành viên đầu tư tự nguyện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:

- a) Mục tiêu đầu tư hành vi dân sự, chính;
- b) Thủ tục pháp nhân của công ty là tổ chức pháp nhân;
- c) Thu nhập trong các năm đầu đầu tư phải đảm bảo không thấp hơn mức quy định tại Điều 46 của Luật này;
- d) Mục tiêu đầu tư đầu tư tự nguyện đầu tư pháp nhân;
) Khi bị tòa án xử phạt hành chính của Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- e) Ngân hàng chấp nhận đầu tư pháp nhân và hoạt động.

2. Các danh sách Tổng công Ngân hàng Nhà nước chủ yếu của ngân hàng đầu tư quy định tại khoản 1 của Điều này đầu tư tự nguyện đầu tư đầu tư.

3. Các thành viên đầu tư tự nguyện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc theo quy định tại các điều a, b, c, d, của khoản 1 của Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có ngay và nộp báo cáo kèm tài liệu chứng minh các thành viên chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phần của Ngân hàng đầu tư chính và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật, đồng thời xử lý theo quy định tại Điều 53 của Luật này.

Điều 48. Quy định về nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Trình Tổng công Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chủ yếu các vấn đề theo quy định của pháp luật;

2. Trình Hội đồng công của Ngân hàng:

- a) Nhiệm vụ phát triển của Ngân hàng;
- b) Sản phẩm, bổ sung đầu tư của Ngân hàng;
- c) Tổng, giám đốc đầu tư của Ngân hàng;
- d) Các loại phí có thể phát hành và tổng số phí phát hành theo từng loại;
) Việc phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chi phí quy định cho phép ngân hàng mua trái phiếu theo mức giá nhất định;
- e) Mục tiêu hàng năm và xác định mục tiêu đầu tư; tổ chức việc chi trả đầu tư;

- f) Báo cáo tài chính kế toán hàng năm;
- g) Việc lựa chọn công ty kế toán để lập cho năm tài chính tiếp theo;
- h) Kế hoạch về chi tiêu, giới hạn chi tiêu theo yêu cầu pháp luật Ngân hàng;
- i) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quy định tại Điều 32 của Điều lệ này.
3. Quy định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.
4. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của Hội đồng thông qua.
5. Giám đốc quy định các khiếu nại của Ngân hàng về việc cán bộ quản lý công nhân quy định của công ty và Giám đốc Ngân hàng giám đốc quy định các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý của công nhân cán bộ quản lý.
6. Xuất khẩu các sản phẩm hàng năm và xác định mức độ chi tiêu; thực hiện các chi tiêu.
7. Chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng Ngân hàng và Hội đồng là Giám đốc và Giám đốc Ngân hàng.
8. Việc mua hoặc bán các phần của công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài.
9. Việc định giá các tài sản góp vào Ngân hàng không phải liên quan đến việc phát hành chứng khoán hoặc trái phiếu của Ngân hàng, bao gồm vàng, quyền sở hữu, quy định về quyền lợi, công nghệ và bí quyết công nghệ.
10. Quản lý Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và vì lợi ích của Ngân hàng, công nhân và khách hàng.
11. Quy định giá chào bán các phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Ngân hàng.
12. Quy định về việc mua lại các phần theo Điều 18 Điều lệ này và pháp luật liên quan.
13. Quy định các khoản cho vay, bồi đắp thu nhập quy định của Hội đồng quản trị các giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng thông qua, theo quy định của Điều lệ này và pháp luật liên quan.
14. Quy định về mua, bán tài sản Ngân hàng có giá trị dưới 50% (năm triệu đồng) tính giá trị tài sản của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính của kế toán hàng năm của Ngân hàng.
15. Thông qua các hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Điều lệ này.

16. Quy định về phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, trừ các trường hợp thu thuộc thẩm quyền của Hội đồng, theo quy định của pháp luật;

17. Quy định về cơ cấu giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng của Ngân hàng theo quy định của Tổng giám đốc.

18. Quy định về cấu trúc bộ máy điều hành trực tiếp, sự giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng nghiệp vụ và công ty con của Ngân hàng theo quy định của Tổng giám đốc, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

19. Chịu trách nhiệm về các văn bản có liên quan đến bộ phận kế toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật và quy định mức lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, Giám đốc sự giao dịch, Giám đốc công ty con, Giám đốc chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc văn phòng nghiệp vụ của Ngân hàng theo quy định của Tổng giám đốc.

21. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật, trường hợp văn bản thu thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát và Hội đồng.

22. Quy định chính sách quản lý rủi ro và giám sát về các thủ tục các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.

23. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

24. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng và việc thực hiện các quy định của Hội đồng công đồng và Hội đồng quản trị.

25. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phê duyệt hợp đồng, triểu tập họp Hội đồng công đồng hoặc lý do ký kết bản giao dịch thông qua quy định của Hội đồng công đồng.

26. Ban hành quy chế quy định cho Tổng giám đốc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều này, khi thực hiện thì.

27. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều này và quy định của pháp luật.

28. Hội đồng quản trị thông qua quy định về hình thức biểu quyết cụ thể cho các họp hoặc lý do ký kết bản giao dịch theo nguyên tắc đa số quá bán. Mọi thành viên Hội đồng quản trị có mặt phải biểu quyết có giá trị ngang nhau.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ đúng các quy định của Hội đồng, quy định của luật này và của pháp luật. Trong trường hợp quy định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của luật này và (hoặc) pháp luật gây thiệt hại cho Ngân hàng thì các thành viên chấp hành thông qua quy định đó cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quy định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng; thành viên phải thông qua quy định nói trên có nhiệm vụ trách nhiệm. Trong trường hợp này, công đồng hoặc nhóm công đồng nắm giữ ít nhất 5% (năm phần trăm) số phần của Ngân hàng liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quy định nói trên.

Điều 49. Chức danh, Phó chức danh Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Chức danh và một đến hai Phó chức danh trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc sơ quá bán. Chức danh Hội đồng quản trị phải thuộc Vị trí Nam trong suất nhiệm kỳ của mình.

2. Chức danh Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không đi u hành và không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng.

3. Chức danh Hội đồng quản trị không đồng thời là thành viên hội đồng quản trị, đi u hành các tổ chức tín dụng khác trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.

4. Quyền và nghĩa vụ của Chức danh Hội đồng quản trị:

a) Triệt p và chỉ to các cu c h p i h i ng c ô ng;

b) Lập ch ã ng trình, k ho ch ho t ã ng c a H i ng qu n tr ;

c) Chu n b n i dung, tài li u, ch ã ng trình ph c v cu c h p H i ng qu n tr ho c l y ý k i n c a các thành viên H i ng qu n tr ; tri u t p và ch t a cu c h p H i ng qu n tr ;

d) Thay m t H i ng qu n tr ký các ngh quy t, quy t ã nh c a H i ng qu n tr ; t ch c th c hi n và giám sát ho c t ch c giám sát vi c th c hi n các quy t ã nh ó;

) m b o vi c H i ng qu n tr g i báo cáo tài chính hàng n m, báo cáo ho t ã ng c a Ngân hàng, báo cáo k i m toán và báo cáo k i m tra c a H i ng qu n tr cho các c ô ng t i i h i ng c ô ng;

e) m b o r ã ng các thành viên H i ng qu n tr ã nh ã c thông tin y , khách quan, chính xác, và d i u liên quan ã nh các v n mà H i ng qu n tr ph i xem xét;

f) Chu n b k ho ch làm vi c và phân công ã nh m v cho các thành viên H i ng qu n tr . ã nh ã c phân công ã nh m v c th c a t ã ng thành viên H i ng qu n tr ph i c th hi n d i d ã ng v n b n và có ch ký c a ch t ch H i ng qu n tr ;

g) Giám sát các thành viên H i ng qu n tr trong vi c th c hi n các công vi c c phân công và các ã nh m v quy ã nh ã nh c a h ;

h) Giám sát Tổng giám đốc trong vị trí thể hiện các quy định, quy định của Hội đồng quản trị;

i) Đánh giá hiệu quả làm việc của thành viên Hội đồng quản trị, các tiểu ban của Hội đồng quản trị thi đua khen thưởng và báo cáo hiệu quả công việc qua đánh giá này;

j) Mbrongngi lao động có thể báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm quy định của Ngân hàng, vị Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên cấp khác của Hội đồng quản trị;

k) Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Chủ tịch quy định bổ nhiệm cho một Phó chủ tịch hoặc một thành viên Hội đồng quản trị thể hiện các quy định và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng biết về vị trí quy định này. Nếu Chủ tịch vắng mặt mà không ủy quyền hoặc một khi ngừng thể hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bổ nhiệm Phó chủ tịch tạm thời để Chủ tịch. Trường hợp Chủ tịch và Phó chủ tịch vắng mặt hoặc không thể làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác trong số thành viên để Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc sau.

Điều 50. Quy định và nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:

1. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và điều lệ của Ngân hàng.

2. Thể hiện các nhiệm vụ và quy định của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Hội đồng quản trị và sự phân công của Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng.

3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kế toán viên cấp cho, có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành Ngân hàng, kế toán viên cấp và kế toán nghiệp vụ trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

4. Bổ nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, các Phó chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Yêu cầu trình bày hiệu quả công việc theo quy định của điều lệ này.

6. Yêu cầu Chủ tịch trình bày về những thành tựu của Hội đồng quản trị theo quy định của điều lệ này.

7. Có quy định yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, người quản lý các nhánh thu của Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và các nhánh thu thể hiện nhiệm vụ của mình.

8. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào vị trí kinh doanh phát triển, phương án kinh doanh của Ngân hàng trong tương lai.

9. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân thực hiện pháp luật, thực hiện công việc và thực hiện Hội đồng quản trị về quy định của mình.

10. Thực hiện các quy định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện công việc phù hợp với nội dung này và quy định của pháp luật. Thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

11. Có trách nhiệm giám sát thực hiện công việc, Hội đồng quản trị về vị trí công việc hiện tại và các giao dịch yêu cầu.

12. Các quy định và nhiệm vụ khác quy định tại nội dung này và quy định của pháp luật.

Điều 51. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị

1. Các thành viên Hội đồng quản trị nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng.

2. Hội đồng quản trị đề tính mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định tại các cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phi ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phi báo cáo thực hiện công việc tại các cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được vi phạm hành (bao gồm cả việc Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm tiền thù lao dựa trên mức độ công việc ngoài giờ theo đúng, đúng, hoặc hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc các hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí, chi phí và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ công việc. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.

Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b) Không thu c i t ng không c là thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t các t ch c tín d ng và các quy nh c a pháp lu t v ngân hàng.

c) Có trình i h c tr lên v m t trong các chuyên ngành kinh t , qu n tr kinh doanh, lu t ho c có ít nh t 03 (ba) n m làm ng i qu n lý ngân hàng ho c doanh nghi p khác ho c có ít nh t 05 (n m) n m làm vi c tr c ti p trong l nh v c ngân hàng, tài chính, ki m toán hay k toán.

d) Có s c kho , có ph m ch t o c t t, trung th c và hi u bi t pháp lu t.

2. Thành viên H i ng qu n tr c l p ph i áp ng các i u ki n c l p theo quy nh t i kho n 11 i u l c a i u l này.

i u 53. Thay th thành viên H i ng qu n tr

1. Trong th i h n không quá m i l m (15) ngày k t ngày Ch t ch H i ng qu n tr b ng nhiên m t t cách thành viên H i ng qu n tr , các thành viên H i ng qu n tr có trách nhi m t ch c h p H i ng qu n tr b u m t thành viên H i ng qu n tr (iêu chu n, i u ki n theo quy nh hi n hành) làm Ch t ch H i ng qu n tr .

2. Ch t ch H i ng qu n tr mu n t ch c Ch t ch ph i có ng i n H i ng qu n tr . Trong th i h n sáu m i (60) ngày k t ngày nh n n, H i ng qu n tr ph i t ch c h p xem xét quy t nh và ti n hành các th t c mi n nhi m, b i nhi m, b u Ch t ch H i ng qu n tr theo quy nh hi n hành.

3. Thành viên H i ng qu n tr mu n t ch c ph i có n ho c v n b n g i H i ng qu n tr trình i h i ng c ô ng quy t nh.

4. Tr ng h p b gi m quá m t ph n ba s thành viên H i ng qu n tr ho c không s thành viên H i ng qu n tr t i thi u theo quy nh c a i u l này, thì trong th i h n không quá sáu m i (60) ngày k t ngày không s l ng thành viên H i ng qu n tr theo quy nh, H i ng qu n tr ph i tri u t p i h i ng c ô ng b u b sung thành viên H i ng qu n tr .

5. Trong các tr ng h p khác, cu c h p g n nh t c a i h i ng c ô ng s b u thành viên H i ng qu n tr m i thay th cho thành viên H i ng qu n tr b mi n nhi m, b i nhi m ho c b sung nh ng thành viên còn thi u.

7. Nh ng ng i c b u gi ch c Ch t ch và thành viên H i ng qu n tr có trách nhi m ti p nh n và m nhi m ngay công vi c c a ch c danh c b u. Ch t ch và các thành viên H i ng qu n tr b mi n nhi m, b i nhi m có trách nhi m bàn giao công vi c cho Ch t ch và các thành viên H i ng qu n tr m i c b u x lý; ng th i ph i ch u trách nhi m cá nhân i v i các quy t nh c a mình trong th i gian có t cách m nhi m ch c danh ó.

i u 54. Các cu c h p c a H i ng qu n tr

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c ti n hành trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k

ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ñg h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ñg i trong s h tri u t p h p H i ñg qu n tr .

2. Các cu c h p th ñg k

Ch t ch H i ñg qu n tr ph i tri u t p các cu c h p H i ñg qu n tr , l p ch ñg trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t b y ngày tr c ngày h p đ ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ñg ít nh t là m i quý ph i h p m t l n.

3. Các cu c h p b t th ñg

Ch t ch ph i tri u t p h p H i ñg qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ñg đ i ây ñg b ñg v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:

- a) T ñg giám c ho c ít nh t n m cán b qu n lý;
- b) Hai thành viên H i ñg qu n tr ;
- c) Ch t ch H i ñg qu n tr ;
- d) a s thành viên Ban ki m soát.

4. Các cu c h p H i ñg qu n tr nêu t i kho n 3 i u này ph i c t i n hành trong th i h n m i l m ngày sau khi có xu t h p. Tr ñg h p Ch t ch H i ñg qu n tr không ch p nh n tri u t p h p theo ñg thì Ch t ch ph i ch u trách nhi m v nh ñg thi t h i x y ra i v i Ngân hàng; nh ñg ñg i ñg t ch c cu c h p c c p n kho n 3 i u này có th t mình tri u t p h p H i ñg qu n tr .

5. Tr ñg h p có yêu c u c a ki m toán viên c l p, Ch t ch H i ñg qu n tr ph i tri u t p h p H i ñg qu n tr bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Ngân hàng.

6. a i m h p

Các cu c h p H i ñg qu n tr s c t i n hành a ch ã ñg ký c a Ngân hàng ho c nh ñg a ch khác Vi t Nam ho c n c ngoài theo quy t ñh c a Ch t ch H i ñg qu n tr và c s nh t trí c a H i ñg qu n tr .

7. Thông báo và ch ñg trình h p

Thông báo h p H i ñg qu n tr ph i c g i tr c cho các thành viên H i ñg qu n tr ít nh t n m ngày tr c khi t ch c h p, các thành viên H i ñg có th t ch i thông báo m i h p b ñg v n b n và vi c t ch i này có th có hi u l c h i t . Thông báo h p H i ñg ph i c làm b ñg v n b n ti ñg Vi t và ph i thông báo y ch ñg trình, th i gian, a i m h p, kèm theo nh ñg tài li u c n thi t v nh ñg v n s c bàn b c và bi u quy t t i cu c h p H i ñg và các phi u b u cho nh ñg thành viên H i ñg không th đ h p.

Thông báo m i h p c g i b ñg b u i n, fax, th i n t ho c ph ñg ti n khác, nh ñg ph i b o m n c a ch c a t ñg thành viên H i ñg qu n tr c ñg ký t i Ngân hàng.

8. Sĩ thành viên tham dự thi

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần trăm thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua mạng viễn thông thay thế.

9. Biện pháp quy định

a) Trường hợp nhậm chức, khoản 9 của Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được quy định có mặt trực tiếp cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có mặt phải tuân theo quy định;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất phát mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Mỗi thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số người biểu quyết nếu thành viên đó có thể thực hiện một cuộc họp Hội đồng quản trị về quy định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến việc lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà thành viên đó không được biểu quyết bằng sự đồng thuận biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, thành viên đó sẽ chuyển tiếp toàn bộ cuộc họp và phân quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chặt chẽ công bố một cách thích đáng.

10. Công khai lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp có liên quan đến một hợp đồng giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai báo cáo, nội dung của quy định đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai trước cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trước khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biện pháp tài sản

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phần trăm ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp đồng liên quan hoặc các hình thức khác

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức nghị quyết giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đồng thuận bằng văn bản khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có mặt:

a) Nghe tất cả thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Nếu muốn, người có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách riêng tư.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thể hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả video conference phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua biểu quyết hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo biểu quyết này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này được coi là “có mặt” tại cuộc họp. Nếu ai vắng mặt tại cuộc họp theo quy định này là vắng mặt mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất chấp thuận, hoặc nếu không có mặt nhóm vắng mặt, là vắng mặt mà Chủ tọa cuộc họp ghi nhận.

Các quy định nêu trên thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại trực tiếp và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp này. Những quy định khác trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a) Thành viên có quyền biểu quyết và nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b) Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết của các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp trực tiếp và thực hiện theo thông lệ. Nghị quyết có thể thông qua bằng cách sử dụng nhiều phương tiện khác nhau cùng một văn bản nếu mỗi phương tiện đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chủ trì biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem xét những nội dung xác thực và công việc thực hiện trong các cuộc họp trước khi có ý kiến phê bình và nội dung biên bản trong thời hạn một ngày kể từ khi chủ trì. Biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quy định nêu trên, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra. Các quy định này có thể được bổ sung hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là

thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người có thẩm quyền bị ủy quyền thay thế cách thành viên của tiểu ban như sau:

a) Phạm bố số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban; và

b) Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và bị ủy quyền thay thế phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành vi

Các hành vi thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thay thế thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể trong trường hợp ví dụ, chỉ những thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

ĐIỀU 55. SỰ DẠNG DẠNG VÀ TÍNH CHUYÊN NGHIỆP

Hội đồng quản trị và các tiểu ban của Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn kế toán, các kỹ thuật viên, và các tư vấn bên ngoài khác thực hiện các công việc liên quan phù hợp với hiệu lực và quy định của pháp luật, nhưng không thể thực hiện quy định và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Ngân hàng mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ một người quản lý nào của Ngân hàng.

VIII. TÍNH GIÁM SÁT

ĐIỀU 56. Tính giám sát

1. Tính giám sát là nghĩa vụ hành động hàng ngày của Ngân hàng.

2. Tính giám sát do Hội đồng quản trị thuê hoặc bởi nhiệm vụ, chức năng giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện các quy định và nhiệm vụ của giao.

3. Nhiệm vụ của Tính giám sát là 05 (năm) năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác. Tính giám sát có thể bị miễn nhiệm nếu không hoàn thành.

4. Tính giám sát không nên là nghĩa vụ hành động của Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng; không nên tham gia vào hành vi kinh doanh khác.

5. Quy định và nhiệm vụ của Tính giám sát:

a) Trình Hội đồng quản trị của Ngân hàng:

(i) Số lượng và các loại người quản lý Ngân hàng mà Ngân hàng cần thuê Hội đồng quản trị bởi nhiệm vụ hoặc bởi nhiệm vụ khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động kinh doanh các công cụ quản lý tài sản do Hội đồng quản trị quy định, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý Ngân hàng;

(ii) Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

- (iii) Những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Ngân hàng;
- (iv) Bản đồ toán hàng năm (bao gồm các bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho từng năm tài chính phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Ngân hàng;
- (v) Việc tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng, trình bày và thu nhập quy định của Hội đồng quản trị tại Điều 32 của Điều lệ này;
- (vi) Các văn bản khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị của Điều lệ này mà Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị theo quy định của Ngân hàng, Điều lệ này và pháp luật.
- b) Thể hiện các quy định, quy định của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch của Ngân hàng đã của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị thông qua.
- c) Quy định các văn bản liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày mà không cần phải có quy định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc đi đến Ngân hàng ký kết hợp đồng các loại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý thông thường.
- d) Thể hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị thông qua;
- e) Thể hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Ngân hàng, các quy định, quy định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;
- f) Thi tuyển, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả;
- g) Thi tuyển các quy trình, thủ tục tác nghiệp và văn bản hành chính điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;
- h) Các quy định các biện pháp vật chất thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố) vì lợi ích của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về các quy định này, sau đó phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị ghi quy định;
- i) Lập báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ báo cáo vật chất kiểm tra, đánh giá hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ;
- k) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền về việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình;

l) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quy định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, phúc lợi, nhiệm vụ, nhiệm vụ và các điều khoản khác liên quan đến người lao động; ;

m) Nhiệm vụ, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kết thúc các chức danh quản lý trong Ngân hàng, ngoài trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, thì Hội đồng theo quy định của Ngân hàng. Quy định mức lương, thưởng và phúc lợi (nếu có) đối với những người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, tuyển dụng;

n) Chọn lựa các bộ phận toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Ngân hàng (sau đây gọi là bộ phận toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Ngân hàng theo kế hoạch kinh doanh;

o) Nghỉ hưu và nghỉ phép Hội đồng quản trị bắt buộc theo quy định của pháp luật này và quy định của pháp luật;

p) Báo cáo Hội đồng quản trị, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền về kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và quy định của pháp luật;

q) Các quy định và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật này và Pháp luật có liên quan.

Điều 57. Giúp việc cho Tổng giám đốc

1. Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban chức năng, Giám đốc các đơn vị của Ngân hàng và các chức danh khác theo quy định của Ngân hàng.

2. Phó tổng giám đốc trợ giúp Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo phân công của Tổng giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ của Tổng giám đốc phân công.

3. Số lượng Phó tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quy định trên cơ sở xuất phát từ Tổng giám đốc.

4. Phó tổng giám đốc Ngân hàng không nhất thiết là người điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng khác; trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng; không cần thiết tham gia điều hành hoạt động kinh doanh khác.

5. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quy định và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nội bộ ngân hàng.

Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự và không thuộc bất kỳ một quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Không thu c i t ng không c là T ng giám c theo quy nh c a Lu t các t ch c tín d ng và các quy nh c a pháp lu t v ngân hàng;

c) Có trình i h c, trên i h c kinh t , qu n tr kinh doanh, lu t và có ít nh t 03 (ba) n m làm ng i qu n lý ngân hàng ho c có ít nh t 10 n m làm vi c trong l nh v c tài chính, ngân hàng, k toán, ki m toán;

d) Có s c kho , ph m ch t o c t t, trung th c và hi u bi t lu t pháp;

) C trú Vi t Nam trong th i gian ng nhi m.

2. Phó t ng giám c Ngân hàng ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n sau:

a) áp ng các tiêu chu n và i u ki n quy nh t i i m a, d và e kho n 1 i u này.

b) Không thu c i t ng không c là Phó t ng giám c theo quy nh c a Lu t các t ch c tín d ng và các quy nh c a Pháp lu t v ngân hàng.

c) Có b ng i h c ho c trên i h c m t trong các chuyên ngành kinh t , qu n tr kinh doanh, lu t ho c l nh v c chuyên môn mà mình s m nhi m ho c có b ng i h c ho c trên i h c ngoài các chuyên ngành, l nh v c nêu trên và có ít nh t 03 (ba) n m làm vi c tr c ti p trong l nh v c ngân hàng, tài chính ho c l nh v c chuyên môn mà mình s m nhi m.

i u 59. ng nhiên m t t cách, mi n nhi m, bãi nhi m T ng giám c

1. T ng giám c ng nhiên m t t cách T ng giám c trong các tr ng h p sau:

a) Ch t ho c m t tích theo tuyên b c a Tòa án;

b) Khi b tòa án quy t nh tr c xu t kh i lãnh th Vi t Nam;

c) Ngân hàng b thu h i gi y phép thành l p và ho t ng;

d) Khi quy t nh c a Th ng c Ngân hàng Nhà n c chu n y ch c danh c a nhi m k m i có hi u l c mà T ng giám c ó không c tái b nhi m ho c gia h n h p ng thuê;

) Khi h p ng thuê T ng giám c h t hi u l c.

2. T ng giám c b mi n nhi m, bãi nhi m khi x y ra m t trong các tr ng h p sau ây:

a) N ng l c hành vi dân s b h n ch ;

b) Có n xin t ch c (trong ó nêu rõ lý do xin t ch c) g i H i ng qu n tr , Ban ki m soát c a Ngân hàng và Ngân hàng Nhà n c chi nhánh t nh, thành ph tr c thu c trung ng (n i Ngân hàng t tr s chính) tr c khi ng ng th c hi n nhi m v , quy n h n c a mình, ít nh t 30 (ba m i) ngày;

c) Theo quy t nh c a H i ng qu n tr ;

d) Các tr ng h p khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

3. H i ng qu n tr mi n nhi m, bãi nhi m T ng giám c theo i m c kho n 2 i u này khi có ít nh t 2/3 (hai ph n ba) thành viên H i ng qu n tr , không bao g m T ng giám

c trong trường hợp Tổng giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, bổ nhiệm thành viên. Tổng giám đốc bổ nhiệm nhiệm, bổ nhiệm có quy định về vị trí bổ nhiệm, bổ nhiệm này từ khi bắt đầu công việc theo quy định.

Trong trường hợp Tổng giám đốc đồng nhiệm tất cả Tổng giám đốc, bổ nhiệm nhiệm, bổ nhiệm, Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước và các quan nhà nước khác có thẩm quyền và công bố thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc mới.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN HÀNH

Điều 60. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và thành viên Ban hành

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên của Ban hành có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà ngành nghề này xét là có lợi cho Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và điều lệ này vì mục đích lợi ích của ngân hàng mà không vì lợi ích cá nhân hay lợi ích riêng tư của cá nhân nào khác.

Điều 61. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban hành có nghĩa vụ phải tránh trách nhiệm không công bằng cho bản thân mình hoặc lợi ích kinh doanh mà Ngân hàng có thể sử dụng lợi ích riêng cho Ngân hàng và không công bằng thông tin có thể ảnh hưởng đến giá trị của ngân hàng hay lợi ích của khách hàng cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các thành viên khác của Ban hành có nghĩa vụ phải khai báo cho Hội đồng quản trị bất kỳ quy định nào có thể gây xung đột mà họ có thể có các lợi ích kinh tế khác, các giao dịch hoặc cá nhân khác, và họ có thể sử dụng những lợi ích đó khi Hội đồng quản trị (gồm các thành viên Hội đồng quản trị không có quy định liên quan) đã xem xét và chấp thuận.

3. Các hợp đồng dân sự, kinh doanh thương mại (không thuộc phạm vi, nội dung của pháp luật của Ngân hàng và các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, công lý và vị trí có liên quan của họ, các ký kết, nếu một bên hoặc bên liên quan theo quy định sau đây:

a) vị trí hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn chủ sở hữu (vốn thực) của Ngân hàng (theo quy định của Ngân hàng Nhà nước) thì phải công bố khi ký. Công bố là bên ký hợp đồng hoặc công bố có liên quan với bên ký hợp đồng, không được phép tham gia bất kỳ quy định;

b) i v i h p ng có giá tr b ng ho c nh h n 20% (hai m i ph n tr m) v n ch s h u (v n t có) c a Ngân hàng (theo quy nh c a Ngân hàng Nhà n c) thì ph i c H i ng qu n tr ch p thu n tr c khi ký. Thành viên H i ng qu n tr là bên ký h p ng ho c thành viên H i ng qu n tr có liên quan v i bên ký h p ng, không c phép tham gia bi u quy t.

4. Tr ng h p h p ng c ký k t mà ch a c i h i ng c ông ho c H i ng qu n tr ch p thu n theo quy nh t i kho n 3 i u này thì h p ng ó vô hi u và c x lý theo quy nh c a pháp lu t. Nh ng ng i gây thi t h i cho Ngân hàng ph i có trách nhi m b i th ng.

5. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và các thành viên khác c a Ban i u hành không c mua ho c bán ho c giao d ch c phi u c a Ngân hàng hay c a các công ty tr c thu c khi h có quy n chi m h u thông tin có th nh h ng n giá c a nh ng c phi u này trong khi các c ông khác không có thông tin ó.

i u 62. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng

1. Trách nhi m v thi t h i: Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và các thành viên khác c a Ban i u hành ph i có ngh a v ch p hành úng các quy nh pháp lu t hi n hành, i u l Ngân hàng và các quy ch n i b c a Ngân hàng trong quá trình th c hi n nhi m v c a mình và ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i do hành vi vi ph m ngh a v c a mình gây ra.

2. B i th ng: Ngân hàng s b i th ng toàn b chi phí h p lý v vi c khi u n i, t t ng liên quan i v i công vi c thu c trách nhi m c giao c a lãnh o, cán b , nhân viên c a Ngân hàng mà nh ng ng i này ph i tham gia, v i i u ki n nh ng ng i này ã th c hi n úng các quy nh c a pháp lu t, i u l này và các quy ch c a Ngân hàng. Ngân hàng có th mua và duy trì b o hi m cho nh ng ng i này i v i trách nhi m ó.

X. BAN KI M SOÁT

i u 63. Thành viên Ban Ki m soát

1. Ban ki m soát là c quan do i h i ng c ông b u ra, thay m t các c ông ki m soát m t cách c l p, khách quan và trung th c m i ho t ng kinh doanh, qu n tr và i u hành Ngân hàng, ch u trách nhi m tr c i h i ng c ông trong th c hi n nhi m v c giao.

2. S l ng thành viên Ban ki m soát ph i có t ba (03) n n m (05) thành viên. Trong Ban ki m soát ph i có ít nh t m t thành viên là ng i có chuyên môn v tài chính k toán. Thành viên này không ph i là nhân viên trong b ph n k toán, tài chính c a Ngân hàng và không ph i là thành viên hay nhân viên c a công ty ki m toán c l p ang th c hi n vi c ki m toán các báo cáo tài chính c a Ngân hàng. Ban ki m soát b u m t thành viên làm Tr ng ban.

3. C ông n m gi ít h n 5% (n m ph n tr m) c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng có th t p h p phi u b u vào v i nhau c các ng viên vào

Ban kiểm soát. Công hoc nhóm công n m gi n d i 10% (m i ph n tr m) s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng c c m t thành viên; t 10% (m i ph n tr m) n d i 30% (ba m i ph n tr m) c c hai thành viên; t 30% (ba m i ph n tr m) n d i 50% (n m m i ph n tr m) c c ba thành viên; t 50% (n m m i ph n tr m) n d i 65% (sáu m i l m ph n tr m) c c b n thành viên và n u t 65% (sáu m i l m ph n tr m) tr lên c c s ng viên.

4. Các thành viên c a Ban kiểm soát do i h i ng c ông b nhi m, nhi m k c a Ban kiểm soát không quá n m (05) n m; thành viên Ban kiểm soát có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch .

5. Thành viên Ban kiểm soát không còn t cách thành viên trong các tr ng h p sau:

a) Thành viên ó b pháp lu t c m làm thành viên Ban kiểm soát;

b) Thành viên ó t ch c b ng m t v n b n thông báo c g i n tr s chính cho Ngân hàng;

c) Thành viên ó b r i lo n tâm th n và các thành viên khác c a Ban kiểm soát có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;

d) Thành viên ó v ng m t không tham d các cu c h p c a Ban kiểm soát liên t c trong vòng sáu tháng liên t c, và trong th i gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên ó v ng m t và ã phán quy tr ng ch c v c a ng i này b b tr ng;

) Thành viên ó b cách ch c thành viên Ban kiểm soát theo quy t nh c a i h i ng c ông.

6. Thành viên Ban kiểm soát không c ng th i là thành viên H i ng qu n tr , ng i i u hành, nhân viên c a Ngân hàng hoc công ty con c a Ngân hàng; không c ng th i là thành viên H i ng qu n tr , ng i i u hành c a doanh nghi p mà thành viên Ban kiểm soát c a doanh nghi p ó ang là thành viên H i ng qu n tr , ng i i u hành c a Ngân hàng.

7. Tr ng Ban kiểm soát không ng th i là thành viên Ban kiểm soát, ng i i u hành c a t ch c tín d ng khác.

i u 64. Quy n và nhi m v c a Ban kiểm soát

1. Giám sát ho t ng và vi c tuân th theo quy nh c a pháp lu t và i u l i v i H i ng qu n tr , T ng giám c, ng i qu n lý khác trong vi c qu n lý và i u hành Ngân hàng; ch u trách nhi m tr c pháp lu t, tr c i h i ng c ông trong vi c th c hi n quy n và nhi m v c giao.

2. Ban hành quy nh n i b c a Ban kiểm soát. nh k hàng n m, xem xét l i quy nh n i b c a Ban kiểm soát, các chính sách quan tr ng v k toán và báo cáo.

3. Ch u trách nhi m v các v n liên quan n b ph n ki m toán n i b , h th ng ki m tra, ki m soát n i b theo quy nh c a Ngân hàng Nhà n c.

4. Thành viên báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của Ngân hàng, bao gồm các báo cáo tài chính tài chính kế toán bất chấp kế toán chấp. Báo cáo chi phí ngân hàng và kết quả thành viên báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ tin cậy trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Hội đồng.

5. Thành viên báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình lên Hội đồng công tác cụ thể hàng năm.

6. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Ngân hàng liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Ngân hàng bất cứ khi nào cần xét thấy cần thiết theo quy định của Hội đồng hoặc theo yêu cầu của công tác nhóm công sự trên 5% (năm phần trăm) tổng số phần trăm thông tin của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng.

7. Khi có yêu cầu của công tác nhóm công sự trên 5% (năm phần trăm) tổng số phần trăm thông tin của Ngân hàng trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát báo cáo ghi trình vấn đề ngân hàng yêu cầu kiểm tra của Hội đồng quản trị và công tác nhóm công sự có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

8. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và công sự từ 5% (năm phần trăm) số phần trăm có quy định của Ngân hàng.

9. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công tác các biện pháp sai, bổ sung, cải tiến cấu trúc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

10. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện tình hình vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc người quản lý của Ngân hàng vì vi phạm quy định nội quy này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có ghi ý pháp khắc phục hậu quả, nếu có.

11. Kiến nghị Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc kiến nghị Hội đồng quản trị triệu tập Hội đồng công tác chấp thuận theo quy định của nội quy này và pháp luật.

12. Triệu tập họp Hội đồng công tác chấp thuận trong trường hợp Hội đồng quản trị có quy định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về ngân hàng hoặc có quy định vượt quá thẩm quyền giao và trường hợp khác theo quy định nội quy này.

13. Có bộ phận giúp việc và các sử dụng nhân viên kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thực hiện các nhiệm vụ của mình.

14. Các quy n và nhi m v khác theo quy t nh c a i h i ng c ông, quy nh c a i u l này và quy nh c a pháp lu t.

Đ i u 65. Quy n và nhi m v c a Tr ãng Ban ki m soát

Tr ãng Ban ki m soát có nhi m v và quy n h n sau:

1. Thay m t Ban ki m soát tri u t p i h i ng c ông b t th ãng theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.
2. L p và ký báo cáo c a Ban ki m soát sau khi ã tham kh o ý ki n c a H i ãng qu n tr ãng trình lên i h i ng c ông.
3. Tri u t p và ch to cu c h p Ban ki m soát.
4. Chu n b k ho ch làm vi c và phân công nhi m v c th cho t ãng thành viên Ban ki m soát.
5. Giám sát, ch o các thành viên Ban ki m soát trong vi c th c hi n các công vi c c phân công và nhi m v , quy n h n c a Ban si m soát.
6. m b o các thành viên Ban ki m soát nh n c thông tin y , khách quan, chính xác, và th i gian th o lu n các v n mà Ban ki m soát ph i xem xét.
7. ãng H i ãng qu n tr h p phi n b t th ãng x lý nh ãng tr ãng h p vi ph m quy nh c a i u l và pháp lu t và thay m t Ban ki m soát tri u t p, ch ãng cu c h p b t th ãng c a H i ãng qu n tr theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.
8. U quy n cho m t trong s thành viên Ban ki m soát m nhi m công vi c c a Tr ãng ban trong th i gian v ãng m t.
10. Các nhi m v và quy n h n khác theo quy nh t i i u l này và quy nh c a pháp lu t.

Đ i u 66. Quy n và nhi m v c a thành viên Ban ki m soát

Thành viên Ban ki m soát có các nhi m v và quy n h n sau:

1. Th c hi n các nhi m v và quy n h n c a m t thành viên Ban ki m soát theo úng quy nh c a pháp lu t, i u l này, quy nh n i b c a Ban ki m soát m t cách trung th c, th n tr ãng vì l i ích c a Ngân hàng, i h i ng c ông.
2. B u, m i n nhi m, bãi nhi m Tr ãng Ban ki m soát.
3. Yêu c u Tr ãng Ban ki m soát tri u t p h p Ban ki m soát b t th ãng.
4. Ki m soát các ho t ãng kinh doanh, ki m tra s sách k toán, tài s n, các báo cáo tài chính và ki n ãng các bi n pháp kh c ph c sai ph m n u có.
5. c quy n yêu c u cán b , nhân viên c a Ngân hàng cung c p s li u và gi i thích v các ho t ãng kinh doanh th c hi n nhi m v c phân công.

6. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân cho các đánh giá và kết luận của mình.

7. Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các văn quy định nội bộ này, trình bày ý kiến có xung đột lợi ích.

8. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đề ra kiến nghị, nhưng không biểu quyết.

9. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quy định của Hội đồng quản trị và báo cáo trực tiếp lên Hội đồng.

10. Yêu cầu họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của nội bộ này và pháp luật.

11. Trình bày ý kiến về Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của nội bộ này và pháp luật.

12. Các nhiệm vụ và quy định khác quy định trong nội bộ này và quy định của pháp luật.

Điều 67. Quy định cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Thông báo miệng, phù hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thẩm định và theo phương thức nội bộ với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành phải cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thẩm định và theo phương thức nội bộ với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác; có quyền nhận các tài liệu nghiệp vụ và nhân viên Ngân hàng làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, nội bộ và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát, phải báo cáo kịp thời sao chép các thông tin tài chính và các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị phải cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thẩm định chúng cũng cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 68. Thù lao và các chi phí khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được thù lao theo công việc và hưởng các lợi ích khác theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quy định từng mức

thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát được vào sổ ngày làm việc để tính, số lương và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát được chi trả hàng năm, trừ trường hợp chi trả hàng năm có quy định khác;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật thu thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải công khai thành mức riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

Điều 69. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Từ 21 (hai mươi một) tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự và không thuộc diện mất năng lực hành vi và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là công nhân viên lao động của Ngân hàng.

Điều 70. Nguyên tắc cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Nguyên tắc cách thành viên Ban kiểm soát:

a) Bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b) Thiếu các điều kiện và năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

c) Bị rớt tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bệnh tật chuyên môn chữa trị không còn năng lực hành vi;

d) Việc miễn nhiệm không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyền cho các thành viên khác;

e) Thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 65 Điều lệ này.

2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế:

a) Theo quy định của Điều lệ này;

b) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 71. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát được triệu tập ít nhất một lần trong vòng bảy (7) ngày sau buổi họp của Ban kiểm soát. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường

h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ng i trong s h tri u t p h p Ban ki m soát.

2. Ban ki m soát h p nh k và b t th ng. Các cu c h p nh k c a Ban ki m soát t ch c ít nh t m i quý m t l n do Tr ng Ban ki m soát ho c ng i t m th i gi ch c Tr ng Ban ki m soát tri u t p.

3. Cu c h p b t th ng c a Ban ki m soát c ti n hành theo ngh c a:

a) T ng giám c ho c ít nh t n m cán b qu n lý;

b) Hai thành viên H i ng qu n tr ;

c) Ch t ch H i ng qu n tr ;

d) a s thành viên Ban ki m soát.

4. Trong th i h n 15 (m i l m) ngày, k t ngày nh n c v n b n ngh h p Ban ki m soát b t th ng c a m t trong các i t ng nêu t i i m a, b, d c a kho n 3 i u này, Tr ng Ban ki m soát phi tri u t p và ti n hành cu c h p Ban ki m soát b t th ng. Tr ng h p, sau hai l n ngh k ti p mà Tr ng ban ki m soát không tri u t p cu c h p Ban ki m soát, H i ng qu n tr và các thành viên Ban ki m soát phi có ngay v n b n báo cáo Chi nhánh Ngân hàng Nhà n c t nh, thành ph tr c thu c Trung ng n i Ngân hàng t tr s chính và ti n hành h p Ban ki m soát x lý công vi c, ng th i quy t nh vi c mi n nhi m, bãi nhi m ch c danh Tr ng ban ki m soát, b u m t thành viên Ban ki m soát m b o các i u ki n gi ch c danh Tr ng ban ki m soát, trình Ngân hàng Nhà n c chu n y theo úng quy nh hi n hành, ho c quy t nh t ch c i h i ng c ông b t th ng x lý nh ng t n l i, v ng m c ch a th gi i quy t (n u có).

5. Các cu c h p Ban ki m soát s c ti n hành a ch tr s ã ng ký c a Ngân hàng.

6. Thông báo m i h p Ban ki m soát phi c gi cho các thành viên Ban ki m soát t i thi u 05 (n m) ngày tr c ngày h p. Thông báo v cu c h p Ban ki m soát c làm b ng v n b n ti ng Vi t, trong ó nêu rõ v : Ch ng trình h p, th i gian, a i m và phi c kèm theo nh ng tài li u c n thi t v nh ng v n s c bàn b c và bi u quy t t i cu c h p Ban ki m soát và c các phi u bi u quy t cho nh ng thành viên Ban ki m soát. Nh ng thành viên Ban ki m soát không th đ h p s g i phi u bi u quy t cho Ban ki m soát tr c khi h p.

XI. QUY N I U TR A S SÁCH C A NGÂN HÀNG

i u 72. Quy n i u tra s sách và h s

1. Công hoc nhóm công c p trong kho n 3 i u 45 và kho n 3 i u 63 c a i u l này có quy n tr c ti p hoc qua lu ts hoc ng i c u quy n, gi v n b n yêu c u c ki m tra trong gi làm vi c và ti a i m kinh doanh chính c a Ngân hàng danh sách công, các biên b n c a i h i ng c công và sao ch p hoc trích l c các h s ó. Yêu c u ki m tra do phía lu ts i di n hoc i di n c u quy n khác c a c công ph i kèm theo gi y u quy n c a c công mà ng i ó i di n hoc m t b n sao công ch ng c a gi y u quy n này.

2. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám c và cán b qu n lý có quy n ki m tra s ng ký c công c a Ngân hàng, danh sách công và nh ng s sách và h s khác c a Ngân hàng vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.

3. Ngân hàng s ph i l u i u l này và nh ng b n s a i, b sung i u l , Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, biên b n h p i h i ng c công và H i ng qu n tr , các báo cáo c a Ban ki m soát, báo cáo tài chính hàng n m, s sách k toán và b t c gi y t nào khác theo quy nh c a pháp lu t t i tr s chính hoc m t n i khác v i i u ki n là các công và c quan ng ký kinh doanh c thông báo v a i m l u tr các gi y t này.

4. Công có quy n c Ngân hàng c p m t b n i u l Ngân hàng mi n phí. i u l này c công b trên website c a Ngân hàng.

i u 73. Công nhân viên và công oàn

T ng giám c ph i l p k hoc ch H i ng qu n tr thông qua các v n liên quan n vi c tuy n d ng, lao ng, bu c thôi vi c, l ng b ng, b o hi m xã h i, phúc l i, khen th ng và k lu t i v i cán b qu n lý và ng i lao ng c ng nh nh ng m i quan h c a Ngân hàng v i các t ch c công oàn c công nh n theo các chu n m c, thông l và chính sách qu n lý t t nh t, nh ng thông l và chính sách quy nh t i i u l này, các quy ch c a Ngân hàng và quy nh pháp lu t hi n hành.

XIII. PHÂN CHIA LÊI NHU N

i u 74. C t c

1. Theo quy t nh c a i h i ng c công và theo quy nh c a pháp lu t, c t c s c công b và chi tr t l i nhu n gi l i c a Ngân hàng nh ng không c v t quá m c do H i ng qu n tr xu t sau khi ã tham kh ó y ki n c công t i i h i ng c công;

2 H i ng qu n tr có th quy t nh thanh toán c t c gi a k n u xét th y vi c chi tr này phù h p v i kh n ng sinh l i c a Ngân hàng và phù h p v i quy nh c a pháp lu t;

3. Ngân hàng không tr l i cho kho n ti n tr c t c hay kho n ti n chi tr liên quan t i m t lo i c phi u.

4. Hội đồng quản trị có thể nghị quyết công thông qua việc thanh toán toàn bộ hồ sơ mở tài khoản thanh toán (nhằm phiếu hoặc trái phiếu đã thanh toán) do doanh nghiệp khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.

5. Trường hợp các ngân hàng khác liên quan tới một loại phiếu chi trả bằng tiền mặt, Ngân hàng sẽ chỉ trả bằng tiền VNĐ Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh rút tiền qua bưu điện (đã ký các công thức) và trường hợp có rủi ro phát sinh (tức là đã ký các công thức) thì công bố phiếu. Ngoài ra, các khoản tiền trả các khoản khác của chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại phiếu có thể chỉ trả bằng chuyển khoản Ngân hàng khi Ngân hàng đã có thông tin chi tiết về Ngân hàng các công nhận cho phép Ngân hàng thực hiện việc chuyển khoản tiền vào tài khoản Ngân hàng các công. Trường hợp Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về Ngân hàng do công cung cấp mà công bố không nhận được tiền Ngân hàng không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Ngân hàng chuyển cho công bố. Việc thanh toán các chi phí về các phiếu niêm yết tại S giao dịch chứng khoán/ Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Hội đồng, Hội đồng quản trị có thể quy định và thông báo rằng những người sử dụng phần thông tin của các phần thông tin thay cho các tài khoản. Các phần bổ sung trên các tài khoản này có thể là những phần thanh toán tiền mua trên cơ sở giá trị của các phần trên các phần thông tin về giá trị tiền mặt trả.

7. Hội đồng quản trị có thể thông qua quy định quy định ngày chốt làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Căn cứ theo ngày chốt, những người ký và tất cả các công nợ của người sử dụng các chứng khoán khác của quy định của các tài khoản, lãi suất, phân chia lợi nhuận, những phiếu, những thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm khi các quy định có thể chi tiết. Điều này không nhất thiết quy định cả hai bên trong giao dịch chuyển nhượng phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 75. Trường hợp

1. Các chi phí chia theo quy định của Hội đồng công bố trên cơ sở nghị của Hội đồng quản trị. Ngân hàng chỉ trả các công bố sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ Ngân hàng và bù đắp lỗ theo quy định của luật này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết các chi phí, Ngân hàng vẫn bố trí thanh toán các khoản và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).

2. Các tài khoản phần thông tin xác định các vào nguồn lợi nhuận gì liên quan Ngân hàng do Hội đồng công bố quy định.

T 1 trích l p các qu trên do i h i ng c ông quy t nh phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

i u 79. N m tài khóa

N m tài khóa c a Ngân hàng b t u t ngày 01 (m ng m t) tháng 01 (đ ng l ch) hàng n m và k t thúc vào ngày 31 (ba m i m t) tháng 12 (m i hai) cùng n m. N m tài chính u tiên t ngày c p gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh và k t thúc vào ngày 31 (ba m i m t) tháng 12 (m i hai) cùng n m ó.

i u 80. H th ng k toán

1. H th ng k toán Ngân hàng s d ng là H th ng k toán theo quy nh c a B Tài chính, Ngân hàng Nhà n c và pháp lu t khác có liên quan;

2. Ngân hàng s d ng ng Vi t Nam làm n v ti n t dùng trong k toán;

3. Các s sách k toán c a Ngân hàng c l p b ng ti ng Vi t theo quy nh c a Pháp lu t.

XV. BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

i u 81. Báo cáo tài chính hàng n m, sáu tháng và hàng quý

1. Ngân hàng l p các báo cáo tài chính theo quy nh c a pháp lu t v k toán, th ng kê và báo cáo ho t ng nghi p v nh k theo quy nh c a Th ng c Ngân hàng Nhà n c.

2. Báo cáo k toán hàng n m ph i bao g m m t Báo cáo quy t toán l lãi cho th y c m t cách trung th c và khách quan tình hình lãi và l c a Ngân hàng trong n m tài chính và m t b n cân i tài s n cho th y m t cách trung th c và khách quan tình hình các ho t ng c a Ngân hàng cho n th i i m l p Báo cáo quy t toán l lãi.

3. Ngoài nh ng báo cáo nh k , Ngân hàng báo cáo ngay v i Ngân hàng Nhà n c trong nh ng tr ng h p sau:

a) Di n bi n không bình th ng trong ho t ng nghi p v có th nh h ng nghiêm tr ng n tình hình kinh doanh c a Ngân hàng;

b) Thay i l n v c c ut ch c c a Ngân hàng.

4. Trong th i h n chín m i (90) ngày, k t ngày k t thúc n m tài chính, Ngân hàng n p Ngân hàng Nhà n c các báo cáo hàng n m theo quy nh c a pháp lu t.

i u 82. Ch l u gi tài li u c a Ngân hàng

1. Ngân hàng ph i l u gi các tài li u sau ây:

a) i u l Ngân hàng; s a i, b sung i u l Ngân hàng; quy ch qu n lý n i b c a Ngân hàng; s ng ký c ông;

b) Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh; các gi y phép và gi y ch ng nh n khác;

- c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quy định sử dụng tài sản của Ngân hàng;
 - d) Biên bản họp Hội đồng, Hội đồng quản trị; các quy định của Ngân hàng;
 -) Báo cáo báo chí phát hành chứng khoán;
 - e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - g) Sơ đồ toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
 - h) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này tại trụ sở chính; thủ tục lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 83. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Ngân hàng phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ sung khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho cơ quan thu thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật liên quan.

XVI. KẾ M TOÁN NGÂN HÀNG

Điều 84. Kế toán

1. Theo xuất của Hội đồng quản trị, Hội đồng quy định hình thức nội dung công ty kế toán độc lập thực hiện hợp pháp tại Việt Nam tiến hành các hoạt động kế toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với quy định tại Điều này và quy định có liên quan của pháp luật. Công ty kế toán độc lập phải có cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nộp pháp luật có yêu cầu.

2. Mẫu bản sao của báo cáo kế toán chính thức kèm với mẫu bản báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

3. Ngân hàng sẵn sàng và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kế toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

4. Công ty kế toán độc lập kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, lập báo cáo kế toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kế toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Ngân hàng phải có cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nộp pháp luật có yêu cầu.

5. Kế toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng sẵn sàng phép tham dự cuộc họp Hội đồng và các quy định khác thông báo và các thông tin khác liên quan đến Hội đồng mà các công ty quy định và các phát biểu ý kiến từ Hội đồng các vấn đề có liên quan đến kế toán.

XVII. CON D U

i u 85. Con d u

H i ng qu n tr , T ng giám c s d ng và qu n lý con d u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

XVIII. CH M D T H O T NG VÀ THÀNH LÝ

i u 86. Ch m d t h o t ng

1. Ngân hàng có th b gi i th ho c ch m d t h o t ng trong nh ng tr ng h p sau:

- a) Khi k t thúc th i h n ho t ng c a Ngân hàng, k c sau khi ã gia h n;
- b) Toà án tuyên b Ngân hàng phá s n theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
- c) Gi i th tr c th i h n theo quy t nh c a i h i ng c ông;
- d) Các tr ng h p khác do pháp lu t quy nh.

2. Vi c gi i th Ngân hàng tr c th i h n (k c th i h n ã gia h n) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th này ph i thông báo hay xin ch p thu n c a c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

i u 87. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông

Tr khi i u l này có quy nh khác, các c ông n m gi m t n a s c phi u ang l u hành có quy n bi u quy t trong b u c thành viên H i ng qu n tr có quy n n khi u n i t i toà yêu c u gi i th theo m t thay m t s các c n c sau:

1. Các thành viên H i ng qu n tr không th ng nh t trong qu n lý các công vi c c a Ngân hàng đ n n tình tr ng không t c s phi u c n thi t theo quy nh H i ng qu n tr ho t ng;

2. Các c ông không th ng nh t nên không th t c s phi u c n thi t theo quy nh t i n hành b u thành viên H i ng qu n tr ;

3. Có s b t ng trong n i b và hai ho c nhi u phe cánh c ông b chia r khi n cho vi c gi i th s là ph ng án có l i h n c cho toàn th c ông.

i u 88. Gia h n ho t ng

1. H i ng qu n tr s tri u t p h p i h i ng c ông ít nh t b y tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c ông có th bi u quy t v vi c gia h n ho t ng c a Ngân hàng thêm m t th i gian theo ngh c a H i ng qu n tr .

2. Th i h n ho t ng s c gia h n thêm khi có t 65% (sáu m i l m ph n tr m) tr lên t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t có m t tr c ti p ho c thông qua i đ i n c y quy n có m t t i i h i ng c ông thông qua.

i u 89. Báo cáo và ki m soát c bi t

1. Trong trường hợp Ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, Ngân hàng phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước về tình hình tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng khác phức.

2. Ngân hàng có thể Ngân hàng Nhà nước rút vào tình hình kiểm soát các biểu thức trong những trường hợp sau:

a) Có nguy cơ mất khả năng chi trả;

b) Không có khả năng thu hồi và có nguy cơ mất khả năng thanh toán; hoặc

c) Tổng số nợ lý do của Ngân hàng lên đến 50% (năm mươi phần trăm) tổng số vốn điều lệ có và các quỹ dự trữ.

3. Trường hợp cấp bách, Ủy ban có khả năng chi trả tín dụng hoặc tín lãi của khách hàng, Ngân hàng có thể thực hiện các tín dụng khác hoặc Ngân hàng Nhà nước cho vay các biểu thức. Khoản vay các biểu thức này sẽ ưu tiên hoàn trả trước các khoản khác của Ngân hàng.

Điều 90. Thực hiện

Việc thực hiện Ngân hàng sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 91. Giám sát Ngân hàng

1. Ngân hàng bị giám sát trong những trường hợp sau:

a) Theo quy định của Điều lệ ngân hàng;

b) Không còn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật trong thời hạn sáu tháng liên tục;

c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng chỉ giám sát khi báo cáo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Các quy định giám sát Ngân hàng do Điều lệ ngân hàng thông qua và phải công bố thông báo lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ định trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có quy định giám sát Ngân hàng, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý giám sát tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó có thành viên do Hội đồng quản trị chọn có chuyên môn về kế toán, kiểm toán và hai thành viên (hoặc các thành viên còn lại của Ban Thanh lý) do Điều lệ ngân hàng chọn. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên của Ngân hàng hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản của Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng.

5. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước tòa án và các cơ quan có thẩm quyền khác.

6. Tài sản thuộc về thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bồi hiểm theo quy định của pháp luật cho cán bộ nhân viên;
- c) Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà Ngân hàng phải trả cho Nhà nước Việt Nam;
- d) Các khoản vay và nợ khác của Ngân hàng;
- e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ tiềm ẩn nhằm đảm bảo khoản này được phân chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

7. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 92. Phá sản Ngân hàng

Việc phá sản Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 93. Thanh lý

1. Từ thời điểm sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Ngân hàng hoặc sau khi có quyết định giải thể Ngân hàng, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [ba] thành viên. Hai thành viên do Hội đồng chọn và một thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ một công ty kế toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên Ngân hàng hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ do Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tài sản thuộc về thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bồi hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Ngân hàng phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Ngân hàng;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ tiềm ẩn trên đây sẽ được phân chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 94. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng hay tới quyền của các công đồng phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quy định nào khác do pháp luật quy định, giải quyết:

a) Mọi công đồng hay các công đồng viên Ngân hàng;

b) Mọi công đồng hoặc các công đồng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý cao cấp của Ngân hàng.

Các bên liên quan sẽ giải quyết giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chỉ định vị trí giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mọi bên trình bày các ý kiến liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu thuê một chuyên gia độc lập hành động với cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trong trường hợp không thể quy định hòa giải trong vòng 6 (sáu) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải không giải quyết được tranh chấp, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra để quan trọng tài hoặc tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới việc thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án hay trọng tài sẽ do các công đồng quy định bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬ DỤNG

Điều 95. Bổ sung và sử dụng

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Hội đồng xem xét quy định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của ngân hàng chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó sẽ áp dụng và điều chỉnh hoạt động của ngân hàng.

XXI. THÔNG TIN VÀ BỔ MỘT

Điều 96. Thông tin nội bộ

1. Ngân hàng thông tin nội bộ cho chủ tài khoản và những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại Ngân hàng;

2. Ngân hàng sẽ trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác và hoạt động ngân hàng và với khách hàng;

3. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin cho Ngân hàng Nhà nước về tình hình hoạt động kinh doanh, nhân sự theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng của những khách hàng có quan hệ với Ngân hàng.

Điều 97. Nghĩa vụ bảo mật

1. Nhân viên của Ngân hàng và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật quốc gia và bí mật kinh doanh của Ngân hàng mà mình biết.

2. Ngân hàng có quy định chi tiết yêu cầu tại chỗ, cá nhân và cung cấp thông tin liên quan đến tín dụng, tài sản của khách hàng và hoạt động của Ngân hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc các sơ đồ thu nhập của khách hàng.

XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 98. Ngày hiệu lực

1. Bản hiệu lực này gồm 98 điều, có hiệu lực công Ngân hàng nhất trí thông qua ngày tháng năm 2008 và cùng chấp thu hiệu lực toàn văn của hiệu lực này. Hiệu lực này thay thế hiệu lực ngân hàng TMCP xuất nhập khẩu Việt Nam do hiệu lực công thông qua tại cuộc họp hội đồng tổ chức ngày 28/02/2003 và các Thông cáo Ngân hàng Nhà nước chủ yếu theo quy định của Nghị định 752/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 7 năm 2003.

Hiệu lực này có hiệu lực kể từ ngày các Thông cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ yếu.

2. Hiệu lực có hiệu lực thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a) 01 bản nộp tại Ủy ban chấp hành kế toán Nhà nước;
 - b) 05 bản ký tịch quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
 - c) 04 bản lưu trữ tại Ngân hàng.
3. Hiệu lực này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH